

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



**ISO 9001 : 2008**

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Mai Thị Thúy Hằng**  
**Giảng viên hướng dẫn : Th.S Lê Thị Nam Phương**

**HẢI PHÒNG - 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ  
THƯƠNG MẠI AN PHÁT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Mai Thị Thúy Hằng**

**Giảng viên hướng dẫn : Th.S Lê Thị Nam Phương**

**HẢI PHÒNG - 2014**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Mai Thị Thúy Hằng Mã SV: 1213401039

Lớp: QTL601K Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ)

- Tìm hiểu lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp
- Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát
- Đánh giá ưu nhược điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.Trên cơ sở đó, đề xuất một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

-Số liệu doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2013 tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An phát

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát

Trụ sở chính: Số 107 Ngô Gia Tự, P.Đằng Lâm, Q.Hải An, TP Hải Phòng.



## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Khoa Quản trị kinh doanh – Trường ĐHDL Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày    tháng    năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày    tháng    năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

Th.S Lê Thị Nam Phương

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2014*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGUT Trần Hữu Nghị**

## **PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

### **1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Nghiêm túc trong nghiên cứu tài liệu và tìm hiểu thực tiễn của doanh nghiệp.
- Chăm chỉ, khiêm tốn, cố gắng, nỗ lực trong quá trình làm bài.
- Hoàn thành khoá luận theo đúng tiến độ của giảng viên hướng dẫn và của nhà trường.

### **2. Đánh giá chất lượng của khóa luận :**

- Bài viết trình bày rõ cơ sở lý luận theo đề tài nghiên cứu.
- Nắm được tình hình kế toán tại doanh nghiệp và công tác kế toán theo đề tài được giao.
- Đánh giá được thực trạng công tác kế toán theo đề tài tại doanh nghiệp.
- Đã đề xuất và phân tích một số giải pháp tương đối phù hợp.
- Phương pháp trình bày dễ hiểu, văn phong gọn gàng.
- Tuy nhiên một số giải pháp đưa ra cần phân tích sâu, cụ thể hơn thì giải pháp sẽ thuyết phục hơn.

### **3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....

.....

*Hải Phòng, ngày .... tháng .... năm .....*

**Cán bộ hướng dẫn**

( Ký và ghi rõ họ tên )

## LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận này, em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến: Các thầy giáo, cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tận tình truyền đạt những kiến thức nền tảng cơ sở, kiến thức chuyên sâu về Kế toán - Kiểm toán và cả những kinh nghiệm thực tiễn quý báu thực sự hữu ích cho em trong quá trình thực tập và sau này.

Cô giáo, Th.s Lê Thị Nam Phương đã hết lòng hỗ trợ em từ khâu chọn đề tài, cách thức tiếp cận thực tiễn tại đơn vị thực tập cho đến khi hoàn thành đề tài.

Các cô, chú, anh, chị cán bộ làm việc tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát đã tạo điều kiện cho em được thực tập tại Phòng Kế toán Công ty.

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu lý luận, tìm hiểu thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xây Dựng và Thương mại An Phát nhằm đưa ra biện pháp hữu ích, có khả năng áp dụng với điều kiện hoạt động của Công ty, song do thời gian và trình độ còn hạn chế nên trong quá trình hoàn thành khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu và chỉ bảo của thầy cô và các bạn để bài viết được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn cô giáo, Th.s Lê Thị Nam Phương và các cô, chú, anh, chị cán bộ Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát đã nhiệt tình hướng dẫn, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện giúp em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày tháng 06 năm 2014  
Sinh viên

**Mai Thị Thúy Hằng**

## MỤC LỤC

### LỜI MỞ ĐẦU

### **CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP ..... 1**

#### 1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP ..... 1

##### 1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp ..... 1

##### 1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp ..... 2

##### 1.1.3 Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp ..... 2

##### 1.1.4. Các khái niệm cơ bản ..... 3

###### 1.1.4.1 Doanh thu ..... 3

###### 1.1.4.2 Chi phí ..... 5

###### 1.1.4.3 Xác định kết quả kinh doanh ..... 6

##### 1.1.5 bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp ..... 7

#### 1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp ..... 8

##### 1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu ..... 8

###### 1.2.1.1. Chứng từ sử dụng ..... 8

###### 1.2.1.2. Tài khoản sử dụng ..... 8

###### 1.2.1.3. Phương pháp hạch toán ..... 11

##### 1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán ..... 11

###### 1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho ..... 11

###### 1.2.2.2. Chứng từ sử dụng ..... 12

###### 1.2.2.3. Tài khoản sử dụng ..... 12

###### 1.2.2.4. Phương pháp hạch toán ..... 13

##### 1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính ..... 15

###### 1.2.3.1. Chứng từ sử dụng ..... 15

###### 1.2.3.2. Tài khoản sử dụng ..... 15

1.2.3.3.Phương pháp hạch toán .....	16
1.2.4.Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....	18
1.2.4.1.Chứng từ sử dụng .....	18
1.2.4.2.Tài khoản sử dụng .....	18
1.2.4.3.Phương pháp hạch toán .....	19
1.2.5.Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	21
1.3.Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	26
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN PHÁT.....</b>	<b>27</b>
2.1.KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN PHÁT .....	27
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty .....	27
2.1.2.Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp .....	28
2.1.3.Những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp.....	28
2.1.4.Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty .....	29
2.1.5.Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	32
2.1.5.1.Mô hình tổ chức bộ máy kế toán.....	32
2.1.5.2.Thực hiện chế độ kế toán áp dụng tại Công ty.....	33
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN PHÁT .....	36
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát .....	36
2.2.1.1. Nội dung của doanh thu tiêu thụ tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát.....	36
2.2.3 Kế toán chi phí hàng bán tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát .....	48
2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	54
2.3.5 . Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	60
2.2.6.Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	67
<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI</b>	
<b><u>LỜI MỞ ĐẦU</u></b>	

<b><u>CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</u></b> .....	<b>1</b>
<b><u>1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</u></b> .....	<b>1</b>
<b><u>1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp</u></b> .....	<b>1</b>
<b><u>1.1.2.Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp</u></b> .....	<b>2</b>
<b><u>1.1.3 Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp</u></b> .....	<b>2</b>
<b><u>1.1.4.Các khái niệm cơ bản</u></b> .....	<b>3</b>
<b><u>1.1.4.1Doanh thu</u></b> .....	<b>3</b>
<b><u>1.1.4.2.Chi phí</u></b> .....	<b>5</b>
<b><u>1.1.4.3 Xác định kết quả kinh doanh</u></b> .....	<b>6</b>
<b><u>1.1.5 bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp</u></b> .....	<b>7</b>
<b><u>1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp</u></b> .....	<b>8</b>
<b><u>1.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu</u></b> .....	<b>8</b>
<b><u>1.2.1.1.Chứng từ sử dụng</u></b> .....	<b>8</b>
<b><u>1.2.1.2.Tài khoản sử dụng</u></b> .....	<b>8</b>
<b><u>1.2.1.3.Phương pháp hạch toán</u></b> .....	<b>11</b>
<b><u>1.2.2.Kế toán giá vốn hàng bán</u></b> .....	<b>11</b>
<b><u>1.2.1.1.Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho</u></b> .....	<b>11</b>
<b><u>1.2.1.2.Chứng từ sử dụng</u></b> .....	<b>12</b>
<b><u>1.2.1.3.Tài khoản sử dụng</u></b> .....	<b>12</b>
<b><u>1.2.1.4.Phương pháp hạch toán</u></b> .....	<b>13</b>
<b><u>1.2.3.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính</u></b> .....	<b>15</b>
<b><u>1.2.3.1.Chứng từ sử dụng</u></b> .....	<b>15</b>
<b><u>1.2.3.2.Tài khoản sử dụng</u></b> .....	<b>15</b>
<b><u>1.2.3.3.Phương pháp hạch toán</u></b> .....	<b>16</b>
<b><u>1.2.4.Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</u></b> .....	<b>18</b>
<b><u>1.2.4.1.Chứng từ sử dụng</u></b> .....	<b>18</b>
<b><u>1.2.4.2.Tài khoản sử dụng</u></b> .....	<b>18</b>

1.2.4.3.Phương pháp hạch toán .....	19
1.2.5.Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	21
1.3.Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	26
<b><u>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MAI AN PHÁT</u></b> .....	<b>27</b>
<b><u>2.1.KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MAI AN PHÁT</u></b> .....	<b>27</b>
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty .....	27
2.1.2.Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp .....	28
2.1.3.Những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp.....	28
2.1.4.Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty .....	29
2.1.5.Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	32
2.1.5.1.Mô hình tổ chức bộ máy kế toán.....	32
2.1.5.2.Thực hiện chế độ kế toán áp dụng tại Công ty.....	33
<b><u>2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MAI AN PHÁT</u></b> .....	<b>36</b>
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát .....	36
2.2.1.1. Nội dung của doanh thu tiêu thụ tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát.....	36
2.2.3 Kế toán chi phí hàng bán tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát .....	48
2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	54
2.3.5 . Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	60
2.2.6.Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	67
<b><u>CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI</u></b> .....	<b>75</b>
.....	75
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MAI AN PHÁT.....	75
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát. ....	75

3.1.1 Ưu điểm.....	75
3.1.2 Hạn chế .....	76
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát.....	77
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí.....	77
và xác định kết quả kinh doanh .....	77
3.2.2. Một số nguyên tắc cơ bản để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	78
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát .....	79
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>90</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>91</b>



## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Hoá đơn GTGT số 0000279 .....	39
Biểu 2.2:Trích sổ Nhật ký chung của công ty TNHH XD và TM An Phát.....	40
Biểu 2.3:Trích Sổ cái TK 511 của công ty TNHH XD và TM An Phát.....	41
Biểu 2.4:Trích Sổ cái TK 131 của công ty TNHH XD và TM An Phát.....	42
Biểu 2.5:Phiếu xuất kho của công ty TNHH XD và TM An Phát.....	45
Biểu 2.6:Trích sổ Nhật ký chung của công ty TNHH XD và TM An Phát.....	46
Biểu 2.7:Trích Sổ cái TK 632 của công ty TNHH XD và TM An Phát.....	47
Biểu 2.8: Hóa đơn dịch vụ viễn thông .....	49
Biểu 2.9: Phiếu chi .....	50
Biểu 2.10:Trích Sổ Nhật ký chung của công ty TNHH XD và TM An Phát .....	51
Biểu 2.11:Trích Sổ cái TK 642 của công ty TNHH XD và TM An Phát.....	52
Biểu 2.12:Trích Sổ cái TK 111 của công ty TNHH XD và TM An Phát.....	53
Biểu 2.13: Giấy báo có tiền gửi.....	55
Biểu 2.14: Phiếu báo nợ .....	56
Biểu 2.15:Trích Sổ Nhật ký chung của công ty TNHH XD và TM An Phát .....	57
Biểu 2.16:Trích Sổ cái TK 515 của công ty TNHH XD và TM An Phát.....	58
Biểu 2.17:Trích Sổ cái TK 635 của công ty TNHH XD và TM An Phát.....	59
Biểu 2.18: Hóa đơn GTGT số 000281 .....	62
Biểu 2.19: Phiếu thu .....	63
Biểu 2.20:Trích Sổ Nhật ký chung của công ty TNHH XD và TM An Phát .....	64
Biểu 2.21:Trích Sổ cái TK 711 của công ty TNHH XD và TM An Phát.....	65
Biểu 2.22:Trích Sổ cái TK 811 của công ty TNHH XD và TM An Phát.....	66
Biểu 2.23:Phiếu kế toán .....	69
Biểu 2.24:Phiếu kế toán .....	70
Biểu 2.25:Trích Sổ Nhật ký chung của công ty TNHH XD và TM An Phát .....	71
Biểu 2.26:Sổ cái TK 911 của công ty TNHH XD và TM An Phát.....	72
Biểu 2.27:Sổ cáiTK 421 của công ty TNHH XD và TM An Phát.....	73
Biểu2.28:Báo cáo kết quả kinh doanh.....	74
Biểu 3.1: Giao diện phần mềm kế toán FAST .....	80
Biểu số 3.2: Giao diện của phần mềm kế toán MISA.....	81
Biểu số 3.3: Sổ chi tiết bán hàng.....	83
Biểu số 3.4: Sổ chi tiết tài khoản.....	84
Biểu 3.5 : Chi phí sản xuất kinh doanh .....	85
Biểu 3.6: Trích sổ nhật ký chung .....	88
Biểu 3.7:Trích Sổ cái TK 635 .....	89

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu .....	11
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên .....	14
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ .....	15
Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.	17
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN.....	20
Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác.....	22
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh .....	25
Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy của Công ty .....	30
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty .....	32
Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty .....	35
Sơ đồ 2.4: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	38
Sơ đồ 2.5: Hạch toán giá vốn .....	44
Sơ đồ 2.6: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	48
Sơ đồ 2.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	54
Sơ đồ 2.8: Sơ đồ hạch toán chi phí khác và thu nhập khác.....	61
Sơ đồ 2.9: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh .....	68

## LỜI MỞ ĐẦU

Để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN, bất kỳ một doanh nghiệp nào dù sản xuất kinh doanh hay thương mại thì đều phải thông qua khâu tiêu thụ và lấy hiệu quả làm mục tiêu hàng đầu. Muốn làm được điều đó thì các nhà quản lý phải nhận thức được vai trò của công tác kế toán. Kế toán là nguồn cung cấp thông tin cần thiết để quản lý hiệu quả hoạt động kinh tế của công ty.

Đối tượng kinh doanh thương mại là hàng hóa đó là các sản phẩm lao động được các doanh nghiệp thương mại mua về để bán ra nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất tiêu dùng và xuất khẩu. Doanh nghiệp muốn có doanh thu thì phải có hàng hóa. Nhưng giá trị và giá trị sử dụng chỉ có thể được thực hiện thông qua quá trình tiêu thụ. Bán hàng là giai đoạn cuối cùng của quá trình tái sản xuất. Thực hiện tốt công tác bán hàng sẽ tạo điều kiện thu hồi vốn và bù đắp các khoản chi phí bỏ ra khi sản xuất. Mặt khác còn giúp doanh nghiệp thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân Sách Nhà Nước đầu tư và phát triển, nâng cao đời sống người lao động.

Hiện nay kế toán là công cụ quan trọng phục vụ cho việc quản lý nền kinh tế cả về mặt vi mô và vĩ mô. Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát em đặc biệt quan tâm đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, xác định kết quả kinh doanh của công ty nên em chọn phần hành "Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát" cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận được kết cấu làm 3 chương:

**Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp**

**Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát**

**Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát**

Trong quá trình làm khóa luận, với sự hiểu biết và kinh nghiệm còn hạn chế nên bài khóa luận của em vẫn còn nhiều những sai sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin được chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo - Th.S Lê Thị Nam Phương giảng viên khoa quản trị kinh doanh trường ĐH Dân Lập Hải Phòng đã giúp đỡ em trong quá trình làm khóa luận.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

## CHƯƠNG I

### LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

#### 1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

##### *1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp*

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng để đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp từng thời kỳ. Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác,...

Đồng thời các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi nếu chi phí không hợp lý, không đúng với thực chất của nó, đều gây ra những khó khăn trong quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra doanh nghiệp phải xác định đúng đắn kết quả kinh doanh. Có như vậy thì doanh nghiệp mới biết được thực chất tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

Như vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp; qua đó xử lý và cung cấp các thông tin giúp cho chủ doanh nghiệp và giám đốc điều hành có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả cao nhất; đồng thời giúp cho các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý tài chính, cơ quan

thuế,...giám sát việc chấp hành các chính sách, chế độ kinh tế, tài chính, chính sách thuế của doanh nghiệp.

### **1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đôn đốc, thu hồi các khoản nợ phía thu của khách hàng.

- Phản ánh, tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

-Cung cấp thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

### **1.1.3 Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung, trong việc xác định lượng hàng hóa tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế nói riêng của doanh nghiệp.

-Xác định đúng kết quả kinh doanh giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo.

-Mặt khác , việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

-Xác định đúng đắn kết quả kinh doanh không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với doanh nghiệp mà nó còn ảnh hưởng tới Nhà nước, các trung gian tài chính ( ngân hàng, công ty chứng khoán, các tổ chức tín dụng...) và đối với các nhà đầu tư, các cổ đông.

#### **1.1.4. Các khái niệm cơ bản**

##### **1.1.4.1 Doanh thu**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu:

#### **❖ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được liên quan đến việc bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp các lao vụ, dịch vụ.

Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Doanh nghiệp xác định được các CP liên quan đến giao dịch bán hàng.
- ✓ Thời điểm ghi nhận Doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:
  - Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo tiêu thức này, người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.
  - Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận báo cáo bán hàng do đại lý ký gửi.

- Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã thu được bên mua nhận nợ.

- Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

✓ Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.  
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.  
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ❖ **Doanh thu bán hàng nội bộ**

Doanh thu bán hàng nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

#### ❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu**

- Chiết khấu thương mại (CKTM): là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng).

- Giảm giá hàng bán (GGHB): là số tiền người bán giảm trừ cho người mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách, kích cỡ.

- Hàng bán bị trả lại (HBBTL): là giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp (theo phương pháp trực tiếp): thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.



- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Thuế xuất khẩu: là loại thuế gián thu, đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

#### ❖ **Doanh thu thuần**

Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

#### ❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính là giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### ❖ **Thu nhập khác**

Theo chuẩn mực kế toán số 14, Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

#### *1.1.4.2. Chi phí*

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến là giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại chi phí:

❖ **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính và giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

- ❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung của doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, dịch vụ mua ngoài,...
- ❖ **Chi phí hoạt động tài chính:** là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ tỷ giá hối đoái,...
- ❖ **Chi phí khác:** là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.
- ❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Là loại thuế thực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:
  - Chi phí thuế TNDN hiện hành: là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.
  - Chi phí thuế TNDN hoãn lại: là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

#### 1.1.4.3 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp

- ❖ Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:
- ✓ Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí QLDN.

$$\text{Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD} = \text{DT BH và CCDV} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} - \text{GVHB} - \text{CPBH, QLDN}$$

- ✓ Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Lợi nhuận tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính

✓ Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Lợi nhuận khác = Doanh thu khác – Chi phí khác

✓ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số của Lợi nhuận từ hoạt động SXKD, Lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD + Lợi nhuận tài chính + Lợi nhuận khác

❖ Lợi nhuận sau thuế TNDN: là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế TNDN.

Lợi nhuận sau thuế TNDN = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế – Chi phí thuế TNDN

### 1.1.5 bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp

❖ **Bán hàng:** Theo thảo luận VAS 14 bán hàng là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa mua vào.

❖ **Bản chất của quá trình bán hàng:**

Quá trình bán hàng là quá trình hoạt động kinh tế bao gồm hai mặt: Doanh nghiệp đem bán hàng hóa đồng thời đã thu được tiền hoặc có quyền thu tiền người mua. Hàng hóa cung cấp nhằm để thỏa mãn nhu cầu người tiêu dùng và sản xuất của xã hội gọi là bán ra ngoài. Trường hợp, hàng hóa cung cấp giữa các đơn vị trong cùng một công ty, tổng công ty, được gọi là bán hàng trong nội bộ.

❖ **Ý nghĩa công tác bán hàng**

Công tác bán hàng có ý nghĩa hết sức to lớn. Nó là công đoạn cuối cùng của giai đoạn tái sản xuất. Doanh nghiệp khi thực hiện tốt công tác bán hàng sẽ tạo ra điều kiện thu hồi vốn, bù đắp chi phí, thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước thông qua việc nộp thuế, đầu tư phát triển tiếp, nâng cao đời sống người lao động trong doanh nghiệp.

❖ **Các phương thức bán hàng**

- Phương thức bán hàng trực tiếp

- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng
- Phương thức bán hàng qua đại lý
- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp
- Phương thức hàng đổi hàng
- Phương thức tiêu thụ nội bộ

❖ **Các phương thức thanh toán**

- Phương thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt
- Phương thức thanh toán qua ngân hàng

## **1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

### **1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu**

#### **1.2.1.1. Chứng từ sử dụng**

- Thẻ quầy hàng, Báo cáo bán hàng.
- Hóa đơn GTGT (được lập làm 3 liên).
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### **1.2.1.2. Tài khoản sử dụng**

- ❖ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- ✓ Các tài khoản cấp 2:
  - TK5111: Doanh thu bán hàng hóa
  - TK5112: Doanh thu bán các thành phẩm
  - TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
  - TK5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
  - TK5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
  - TK5118: Doanh thu khác
- ✓ Kết cấu:

#### **Bên Nợ:**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Doanh thu bán hàng bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán, khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;
- Kết chuyển doanh thu thuần và TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ.

✓ Các tài khoản cấp 2:

- TK5121: Doanh thu bán hàng hóa.
- TK5122: Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

✓ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, số thuế GTGT phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ;

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại.

✓ Kết cấu:

Bên Nợ:

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có:

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại.

✓ Kết cấu:

Bên Nợ:

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

Bên Có:

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán.

✓ Kết cấu:

Bên Nợ:

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có:

Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

✓ Các tài khoản cấp 2 dùng để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:

- TK3331: Thuế GTGT phải nộp
- TK3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt
- TK3333: Thuế xuất, nhập khẩu.

✓ Kết cấu:

Bên Nợ:

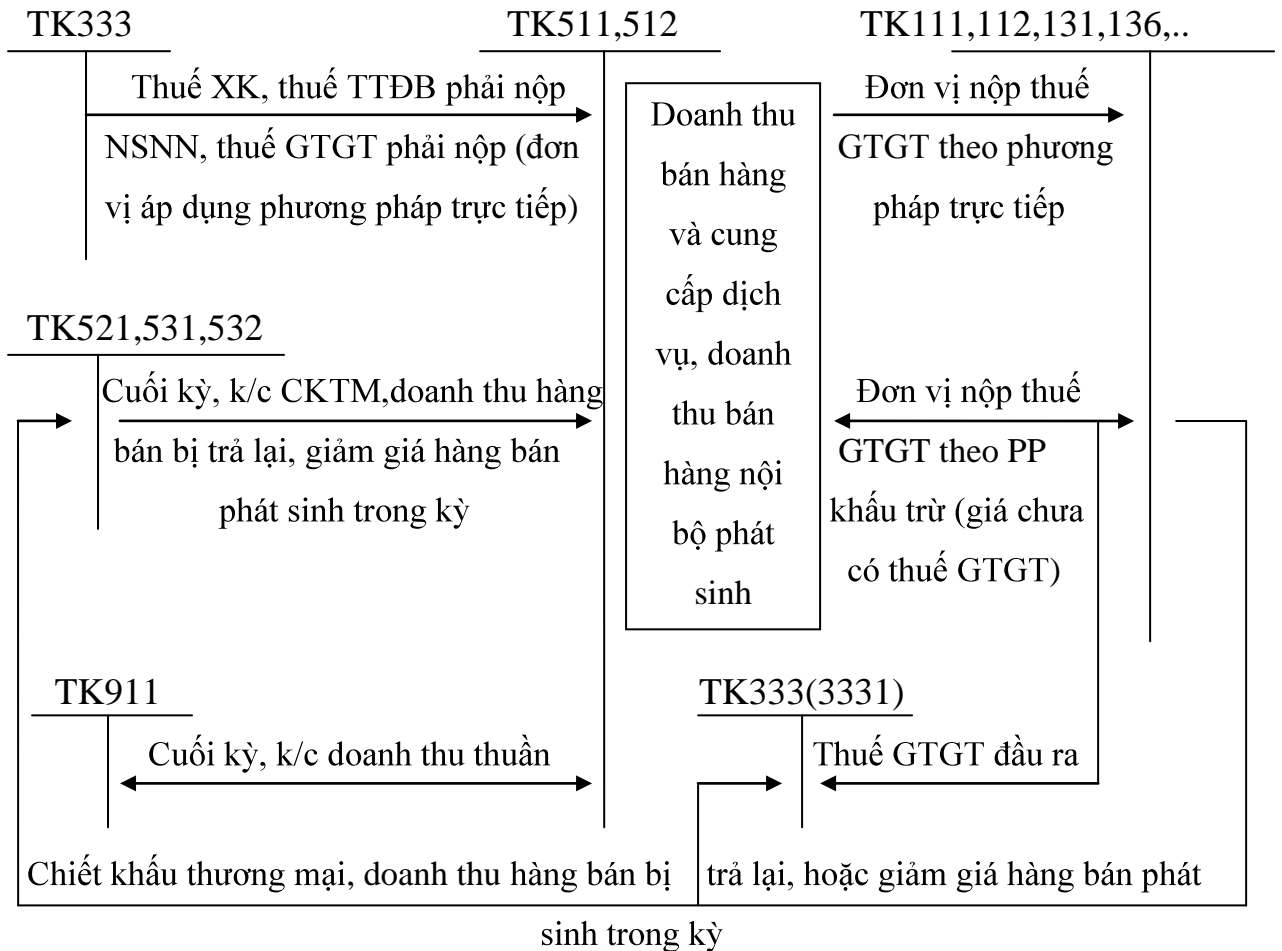
- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách NN
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp;
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

Bên Có:

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách NN
- Tài khoản 333 có số dư bên Có hoặc bên Nợ (nếu có).

**1.2.1.3. Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu



**1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán**

**1.2.1.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho**

Căn cứ vào chuẩn mực kế toán số 02 – “Hàng tồn kho”, có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho là:

✓ Phương pháp bình quân gia quyền: giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương từ đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

✓ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO): áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

✓ Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO): áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị của hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

✓ Phương pháp tính theo giá đích danh: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

#### 1.2.1.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho.
- Thẻ quầy hàng, Báo cáo bán hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan

#### 1.2.1.3. Tài khoản sử dụng

- ✓ Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.
- ✓ Kết cấu:

❖ **Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công, chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm gây ra;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;



- Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT; Số khấu hao BĐSĐT trích trong kỳ;
- Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động, bán, thanh lý BĐSĐT trong kỳ; Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;
  - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
  - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;
  - Trị giá bán bị trả lại nhập kho.
- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

**❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ;
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho, dịch vụ đã hoàn thành.

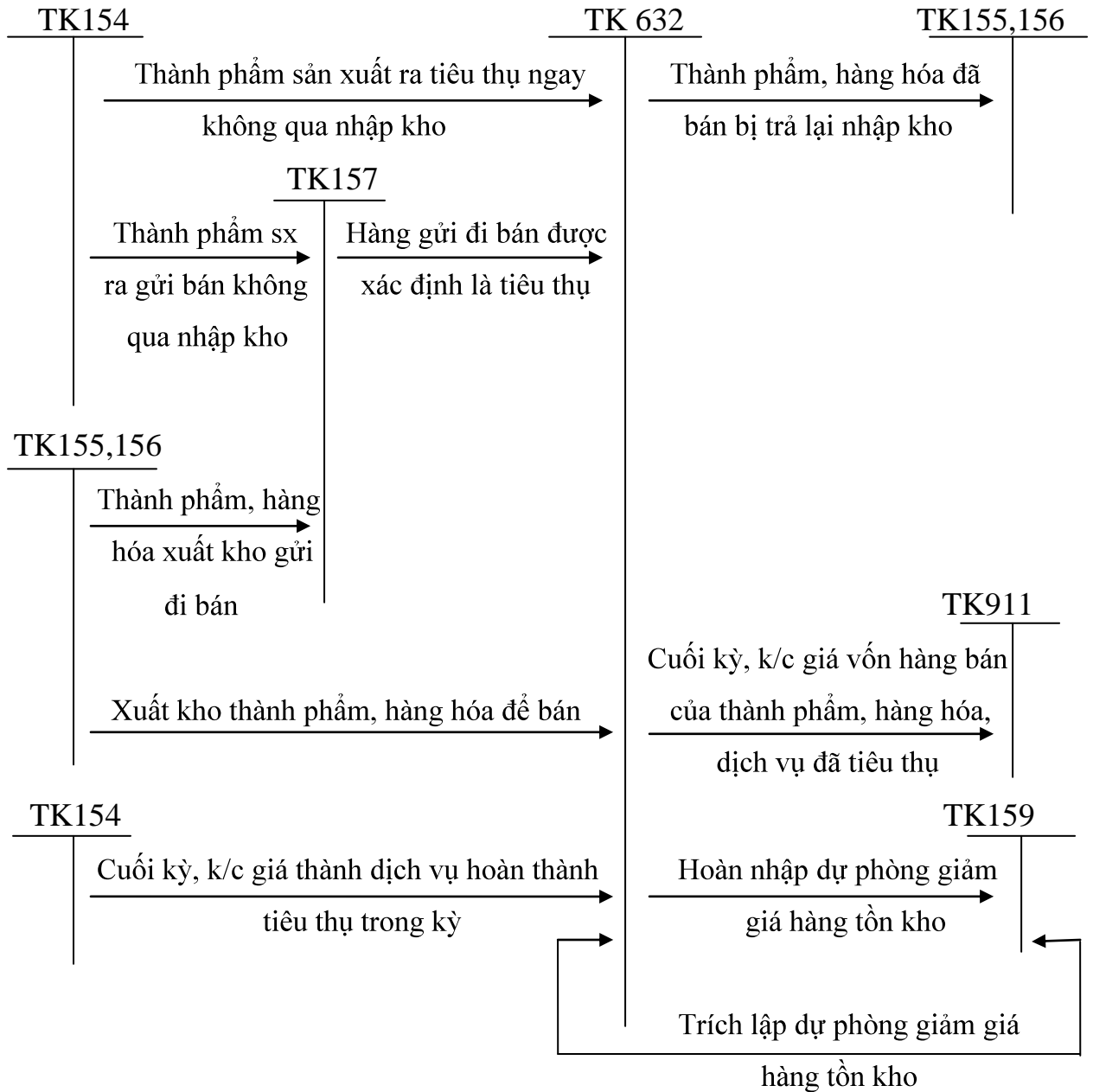
Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;
  - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính
  - Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911
  - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ;
  - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

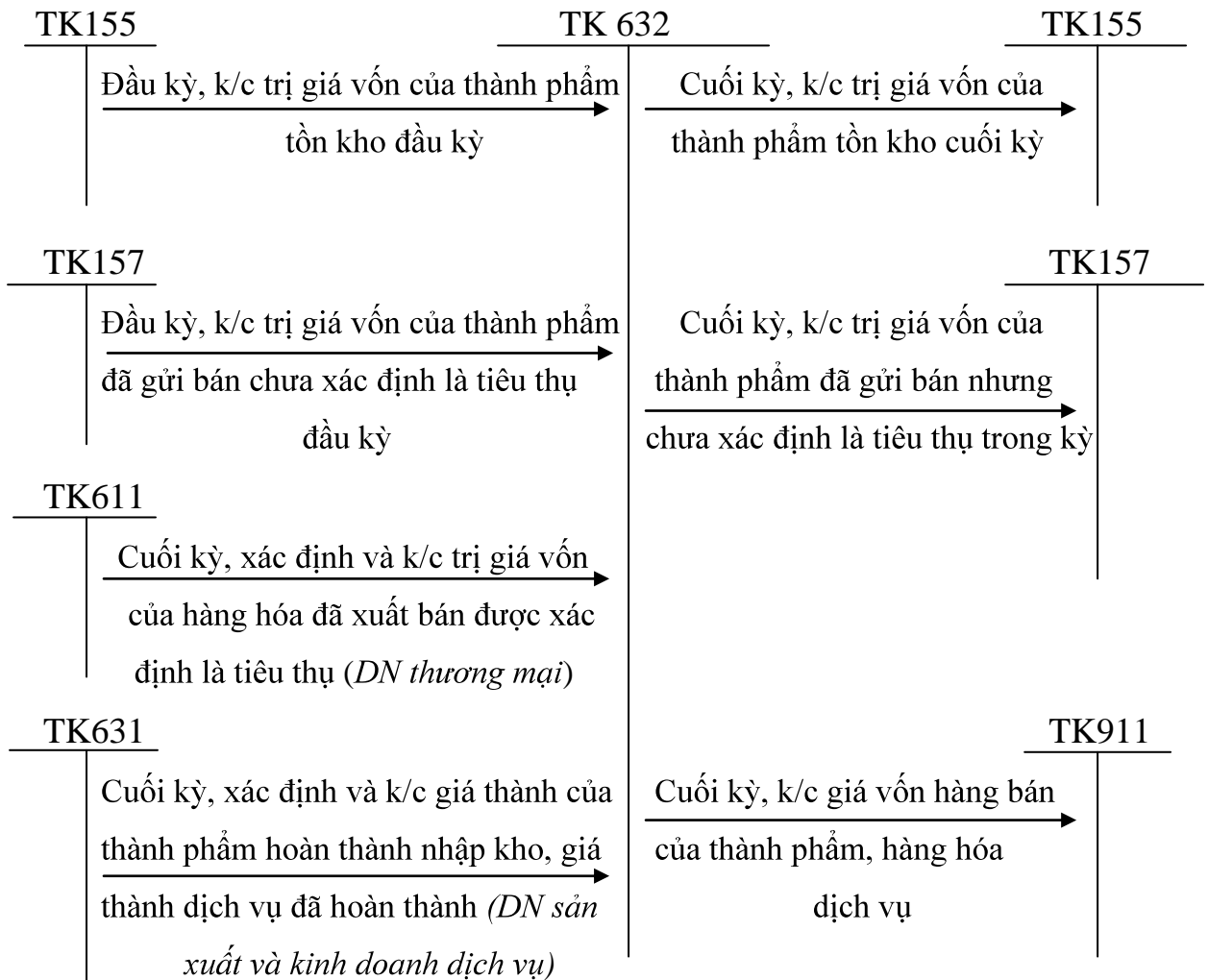
#### 1.2.1.4. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo 2 phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ được khái quát qua 2 sơ đồ 1.2 và 1.3.

Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



### 1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

#### 1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Bảng kê tiền vay và trả nợ vay.
- Giấy báo có, giấy báo nợ.
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### 1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

✓ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911.

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng; lãi tỷ giá hối đoái;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

✓ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ; Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

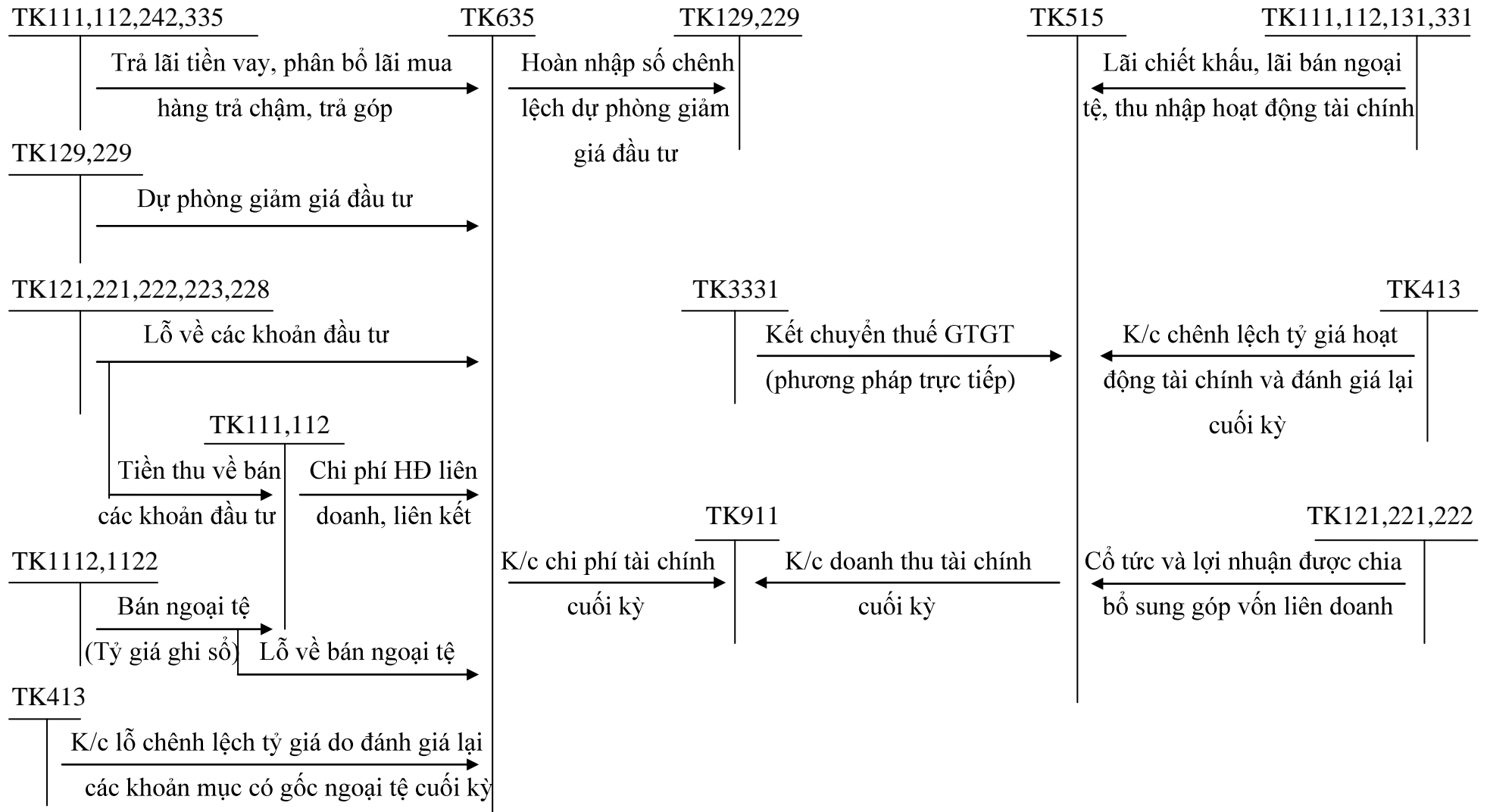
Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

### ***1.2.3.3. Phương pháp hạch toán***

Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



**1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp****1.2.4.1. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo Nợ.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Các chứng từ khác có liên quan.

**1.2.4.2. Tài khoản sử dụng**

## ❖ Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

## ✓ Các tài khoản cấp 2:

- TK6411: Chi phí nhân viên
- TK6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK6415: Chi phí bảo hành
- TK6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK6418: Chi phí bằng tiền khác

## ✓ Kết cấu:

Bên Nợ:

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Bên Có:

Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

## ❖ Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

## ✓ Các tài khoản cấp 2:

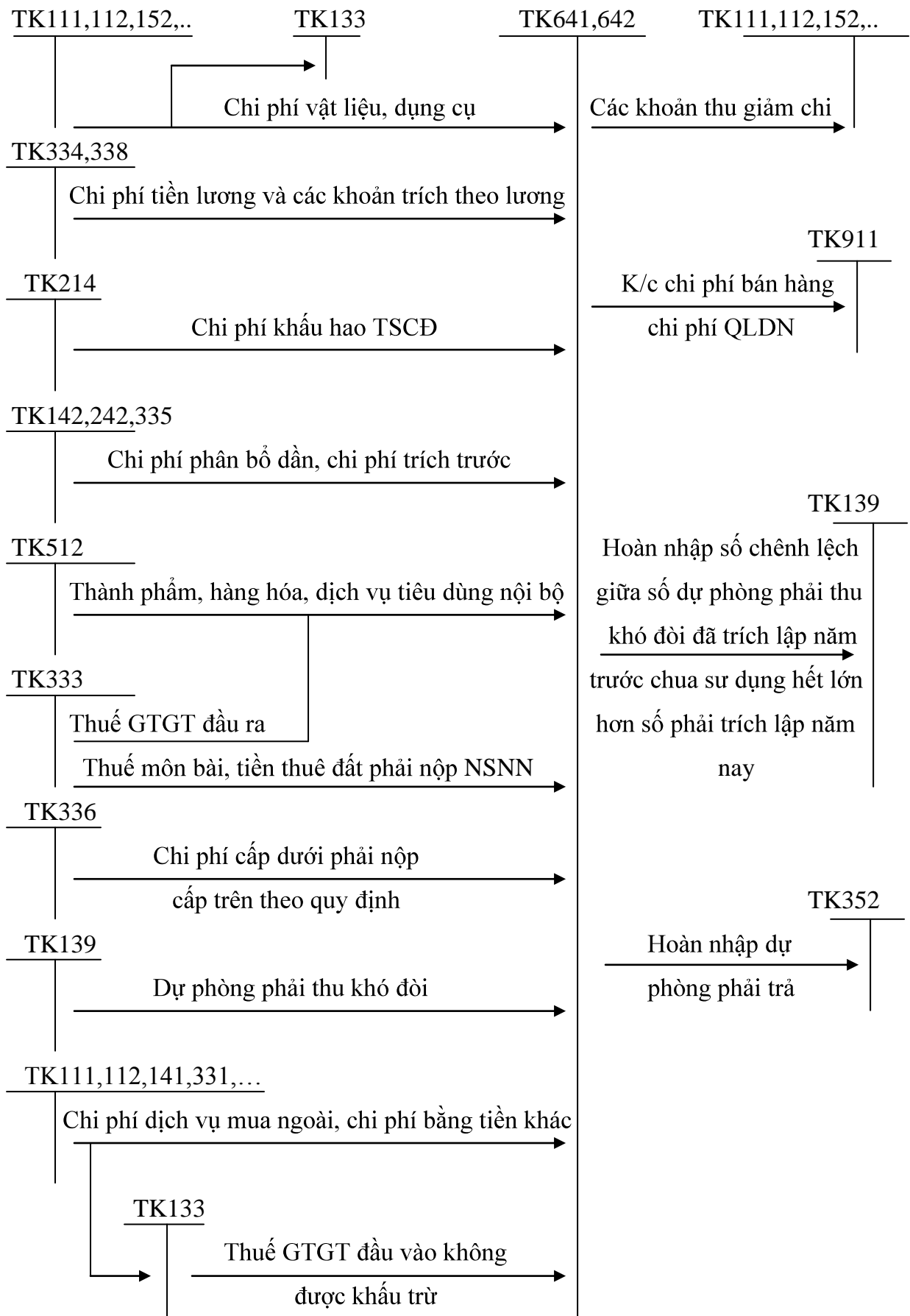
- TK6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK6425: Thuế, phí, lệ phí
- TK6426: Chi phí dự phòng
- TK6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

- TK6428: Chi phí bằng tiền khác
- ✓ Kết cấu:
  - Bên Nợ:
    - Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
    - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
    - Dự phòng trợ cấp mất việc làm
  - Bên Có:
    - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
    - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

#### **1.2.4.3. Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.5.

Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN





### 1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá lại tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ
- Phiếu thu, phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

#### ❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Kết cấu:

Bên Nợ:

-Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các tài khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

-Cuối kỳ, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911.

Bên Có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Kết cấu:

Bên Nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có:

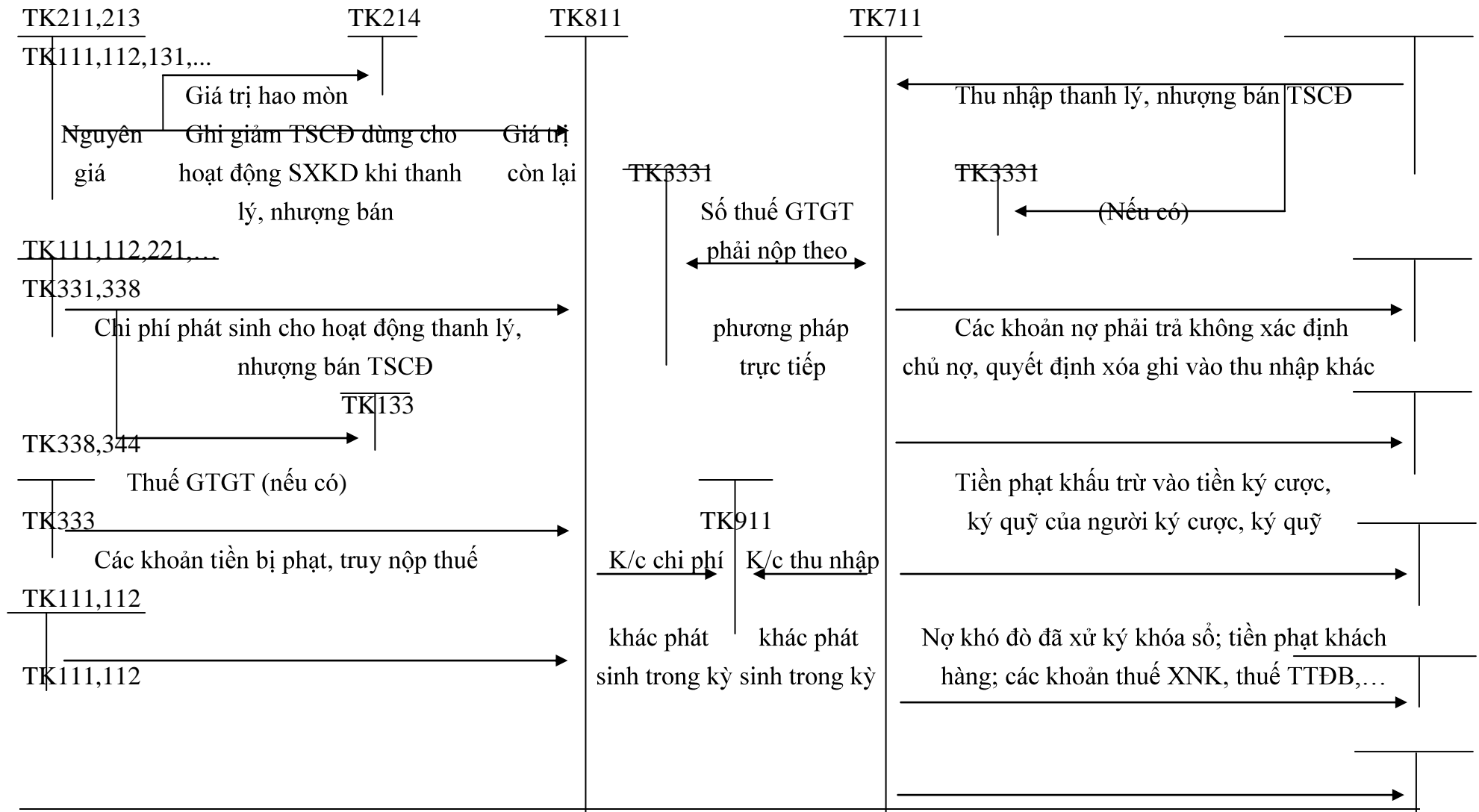
Cuối kỳ, kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK911.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

#### ❖ Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6.

Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



### **1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

#### **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán.
- Quyết định xử lý lỗ các năm trước.
- Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp.
- Các biên bản, hợp đồng về việc chia lợi nhuận,...
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### **Tài khoản sử dụng**

- ❖ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Kết cấu:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

- ❖ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Kết cấu:

Bên Nợ:

- Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm;
- Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại.

Bên Có:

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm;

- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm;
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN vào bên Nợ Tài khoản 911.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Kết cấu:

Bên Nợ:

- ✓ Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- ✓ Trích lập các quỹ của doanh nghiệp; Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- ✓ Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh; Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù;
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

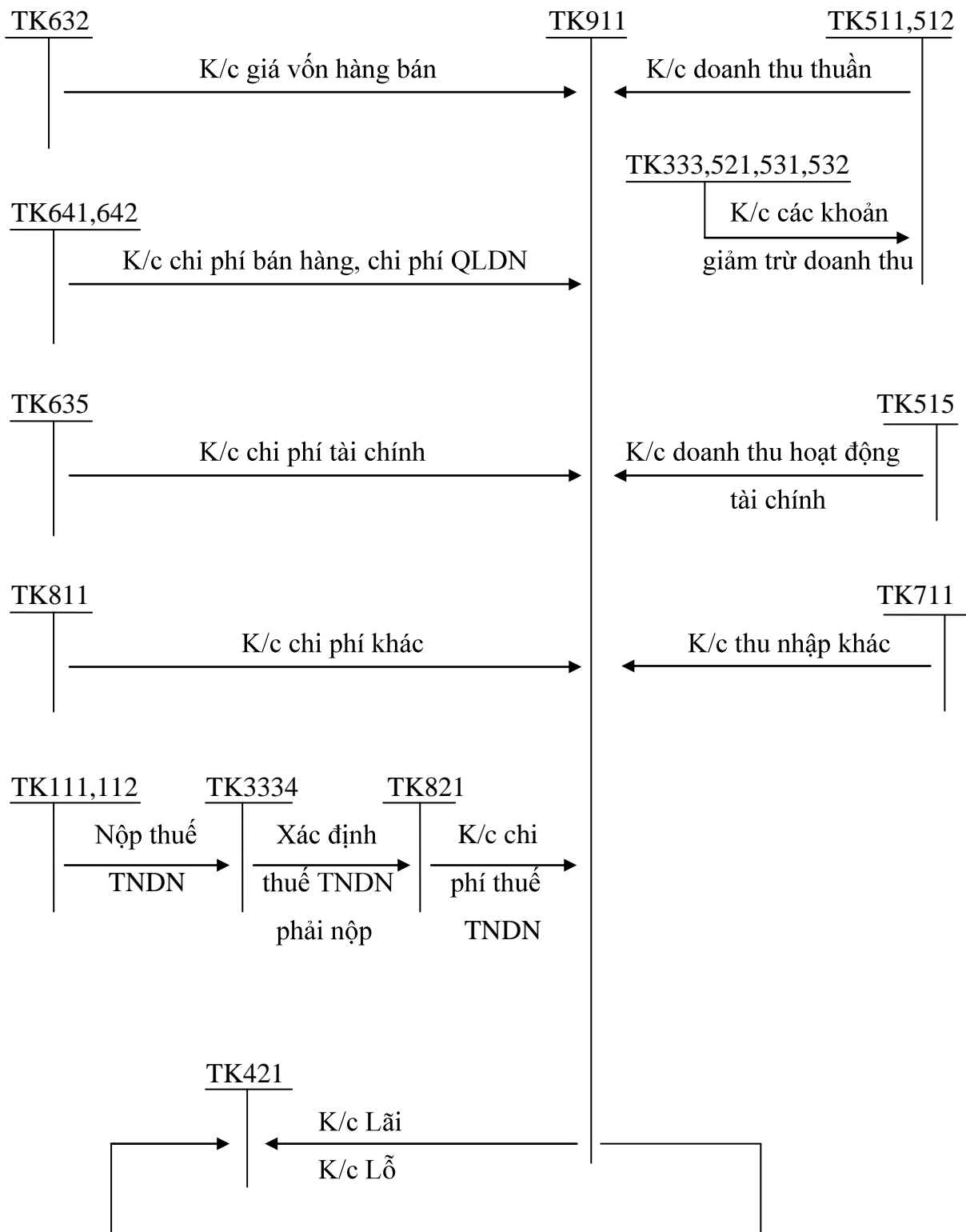
Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có

- ✓ Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
- ✓ Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

• *Phương pháp hạch toán*

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7.

Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



### **1.3. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Để ghi chép, hệ thống hóa các thông tin kế toán doanh nghiệp phải sử dụng một hình thức kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có. Hiện nay, các hình thức kế toán các doanh nghiệp áp dụng bao gồm:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.
- Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

---

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN PHÁT**

**2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN PHÁT**

**2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty**

Ngày 17 tháng 01 năm 2005 Hội đồng thành viên đã sáng lập Công ty TNHH XD & TM An Phát tại Hải Phòng, và hoạt động theo Giấy phép kinh doanh số 0202002406 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hải Phòng.

Công ty TNHH XD & TM An Phát với tên gọi đầy đủ như sau:

+ Tên giao dịch: Công ty TNHH xây dựng và thương mại An Phát.

+ Tên viết tắt: An Phat Co., Ltd

+ Trụ sở chính: Số 107 Ngô Gia Tự, P.Đằng Lâm, Q.Hải An, TP Hải Phòng.

+ Số tài khoản: 0097 0406 000 3559 – Ngân hàng Quốc tế VIB Chi nhánh Hải Phòng.

+ Mã số thuế: 0200609430

+ Công ty có vốn điều lệ là: 1.500.000.000 đồng.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính là vật liệu xây dựng, đóng mới và sửa chữa tàu thủy, vận tải vật liệu.

Phạm vi hoạt động: Thành phố cảng Hải Phòng và các tỉnh lân cận (Hải Dương, Quảng Ninh, Thái Bình,...).

Ngay từ khi mới thành lập, Công ty TNHH XD & TM An Phát đã tập trung đầu tư tài sản phương tiện ô tô, máy xúc, máy cẩu nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Các mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Công ty:

+ Giấy chứng nhận Đại lý cấp I do Tổng Công ty Viglacera Hạ Long I cấp.

+ Bằng chứng nhận “Hướng dẫn thi công sơn tự cân bằng” do Công ty sơn Romex – sơn công nghiệp cấp cho đội ngũ kỹ thuật Công ty TNHH XD & TM An Phát.

+ Năm 2009-2010 tổ chức hội nghị khách hàng dành cho những khách hàng có uy tín và hợp đồng trên 100 triệu đồng.

- + Đến tháng 3/2009 Công ty TNHH XD & TM An Phát đã đăng ký thay đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ hai vào ngày 02 tháng 03 năm 2009.
- + Năm 2010 lên báo Hải Phòng là doanh nghiệp điển hình về cung cấp vật liệu xây dựng.
- + Năm 2011 xây dựng catalogue về các sản phẩm của công ty.

### **2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp**

#### **❖ Chức năng của Công ty:**

- + Tổ chức sản xuất và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký với các cơ quan chức năng của Nhà nước.
- + Thực hiện theo đúng quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ký kết các hợp đồng lao động, đồng thời ưu tiên sử dụng lao động của địa phương.
- + Tìm kiếm, ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế với các đối tác
- + Thực hiện các chế độ báo cáo thống kê định kỳ theo quy định của Nhà nước.

#### **❖ Nhiệm vụ của Công ty:**

- + Không ngừng cải thiện nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- + Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh của Công ty với phương châm năm sau cao hơn năm trước. Làm tốt nghĩa vụ với Nhà nước về việc nộp đầy đủ các khoản tiền cho ngân sách Nhà nước dưới hình thức thuế thu nhập doanh nghiệp.
- + Thực hiện tốt chính sách cán bộ, tiền lương, làm tốt công tác quản lý lao động, đảm bảo công bằng trong thu nhập, bồi dưỡng để không ngừng nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên của Công ty.
- + Thực hiện tốt những cam kết trong hợp đồng kinh tế với các đơn vị nhằm đảm bảo đúng tiến độ sản xuất. Quan hệ tốt với khách hàng, tạo uy tín với khách hàng.
- + Làm tốt công tác bảo vệ an toàn lao động, trật tự xã hội, bảo vệ môi trường

### **2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp**

#### **❖ Thuận lợi**

Thành phố cảng đang phát triển mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng đây là cơ hội tốt nhất cho công ty tăng cường mở rộng phạm vi hoạt động.

Đội ngũ nhân viên nhiệt huyết, năng động nắm bắt kịp thời những chuyển biến của nền kinh tế, phân tích được nhân tố ảnh hưởng và các nguồn tiềm năng



có thể khai thác để từ đó có những biện pháp nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

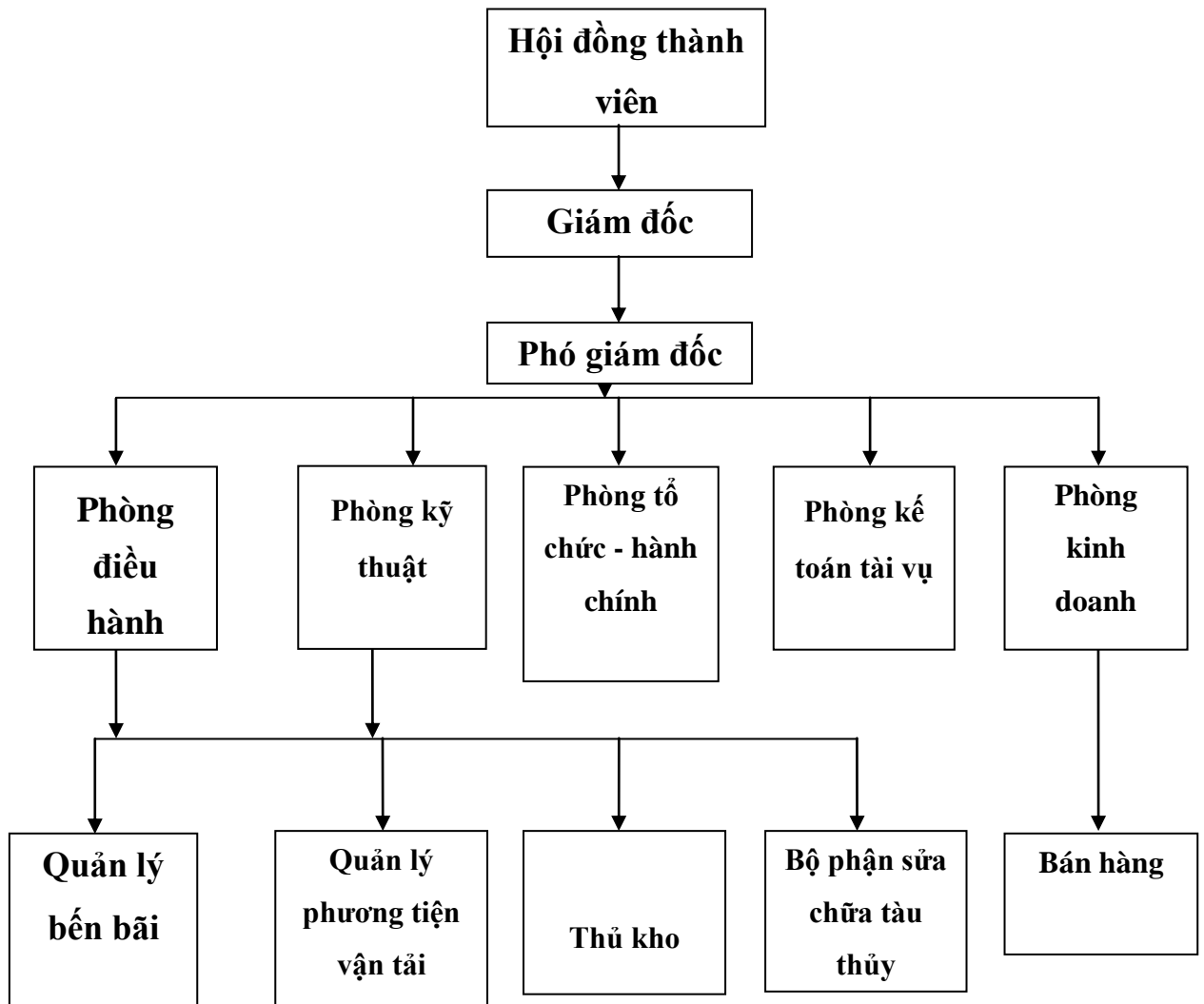
❖ **Khó khăn**

Công ty TNHH XD & TM An Phát đang tập trung mở rộng sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, theo đánh giá chung thì kết quả kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều bất cập, nguyên nhân chủ yếu là:

- + Chi phí cho hoạt động kinh doanh như xăng dầu, chi phí vận chuyển...đều tăng trong mấy năm gần đây trong khi tình hình tiêu thụ lại gặp khó khăn.
- + Sức mua vật liệu xây dựng giảm
- + Quy chế quản lý, tổ chức hành chính còn chưa hợp lý, chưa gắn chặt quyền hạn với trách nhiệm, quyền lợi với nghĩa vụ của người lao động. Vì vậy chưa phát huy được tính chủ động và trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh.
- + Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty chưa đồng bộ, còn nghèo nàn, lạc hậu...

**2.1.4.Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty**

*Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:*



**Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy của Công ty**

Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban của Công ty:

- Ban Giám đốc: Giám đốc công ty do hội đồng thành viên bổ nhiệm, một mặt là người quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời là đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi hoạt động giao dịch. Chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và thực hiện nghĩa vụ với nhà nước theo quy định. Là người đại diện cho Công ty ký kết các văn bản, hợp đồng kinh tế với các đối tác bên ngoài như khách hàng, nhà cung cấp...

- Phòng kỹ thuật: Phó giám đốc kỹ thuật có nhiệm vụ tham mưu giúp đỡ cho giám đốc về việc xây dựng các kế hoạch khoa học, kỹ thuật và môi trường, xây dựng và quản lý định mức vật tư, quản lý tốt phương tiện sản xuất và công tác quản lý thiết bị. Đề xuất với giám đốc về việc triển khai các kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản nhằm không ngừng nâng cao năng lực, cải thiện môi trường làm việc.

- Phòng kinh doanh:

+ Là người tham mưu giúp việc cho giám đốc về việc xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh, tổ chức kinh doanh, khai thác và mở rộng thị trường hoạt động kinh doanh của Công ty, nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh của Công ty. Đặc biệt quan tâm tới công tác chăm sóc khách hàng để tạo mối quan hệ và tìm kiếm nhiều khách hàng lớn cho Công ty.

+ Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh cho toàn Công ty trên cơ sở đó có kế hoạch nhập vật tư, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và kinh doanh.

+ Tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng hoá hình thức dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.

- Phòng hành chính :

+ Tham mưu, giúp việc cho giám đốc về công tác quy hoạch cán bộ, sắp xếp bố trí cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh đề ra.

+ Xây dựng cơ chế hợp lý cho cán bộ công nhân viên với mục đích khuyến khích người lao động và kiểm tra xử lý những trường hợp bất hợp lý, có kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, chăm sóc sức khỏe an toàn lao động.

+ Tổ chức tuyển dụng nhân sự, tổ chức tốt công tác quản lý hồ sơ và lưu trữ văn bản.

+ Tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và an ninh trật tự trong Công ty.

- Phòng kế toán tài vụ:

+ Nhiệm vụ chính là hạch toán, thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của nhà nước.

+ Tham mưu giúp việc cho giám đốc thực hiện nghiêm túc các quy định về kế toán - tài chính hiện hành. Phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh. Xuyên Thường cung cấp cho giám đốc về tình hình tài chính, nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn. Lập kế hoạch về vốn và đào tạo cho các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Chịu trách nhiệm trước Công ty về việc tuân thủ đúng và áp dụng nghiêm túc các chế độ Kế toán – Tài chính hiện hành.

+ Lập và nộp báo tài chính theo quy định.

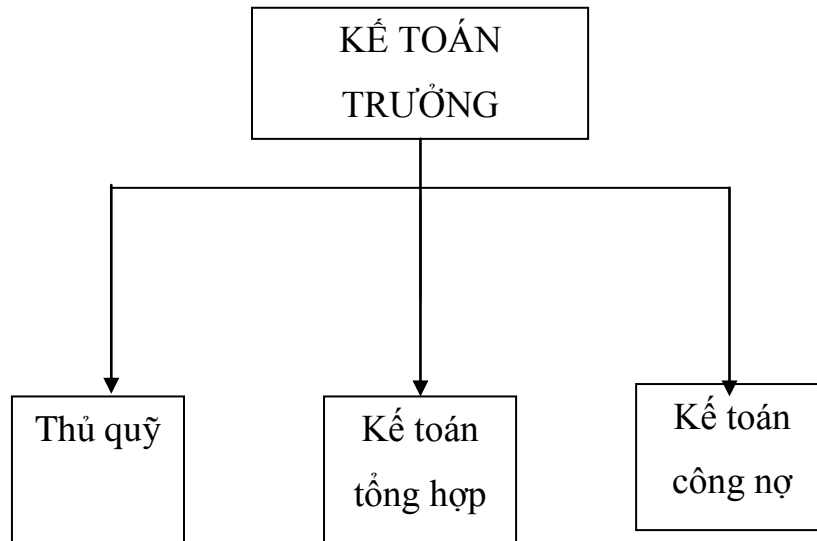
- Phòng điều hành:

- + Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành các bộ phận chính là: Quản lý bến bãi và các phương tiện vận tải của Công ty, quản lý tổ sửa chữa tàu thủy của Công ty.
- + Tổ chức bán hàng theo kế hoạch đề ra, tổ chức bán buôn, bán lẻ các ặt hàng nguyên vật liệu.

**2.1.5.Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.**

**2.1.5.1.Mô hình tổ chức bộ máy kế toán**

**Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty**



*Kế toán trưởng*

Là người tham mưu và giúp việc trực tiếp cho Giám đốc trong việc sử dụng và quản lý tài chính có hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh. Là người điều hành mọi công việc của Phòng Kế toán. Phổ biến các chủ trương đồng thời phải chịu trách nhiệm trước lãnh đạo về việc chấp hành đúng chính sách và các quy định tài chính hiện hành. Trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng, ký duyệt các loại chứng từ kế toán trước khi trình giám đốc duyệt chi, đồng thời xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và lập báo cáo quyết toán theo dung chế độ quy định.

*Kế toán tổng hợp*

Là giúp việc trực tiếp cho kế toán trưởng và có trách nhiệm tổng hợp các số liệu từ kế toán chi tiết vào sổ và lập báo cáo tổng hợp. Ngoài ra kế toán tổng hợp của Công ty còn có trách nhiệm quản lý và hạch toán tài sản cố định.

*Kế toán công nợ*

Theo dõi chi tiết kinh phí vận tải, doanh thu, công nợ thông qua sổ chi tiết. Ngoài ra còn lập báo cáo thuế hàng tháng, quyết toán thuế năm và theo dõi

các khoản thuế phải nộp cho nhà nước. Bên cạnh đó còn có nhiệm vụ theo dõi tiền lương, đồng thời theo dõi các khoản vay, trả nợ và các khoản giao dịch với ngân hàng, quản lý hóa đơn: mua, cấp, phát.

Có trách nhiệm hạch toán quá trình nhập xuất vật tư thông qua theo dõi thẻ kho bảng kê nhập, bảng phân bổ... Theo dõi việc cung cấp hàng hóa của khách hàng. Theo dõi chi tiết tài khoản 331 đối với từng khách hàng, đồng thời còn phản ánh các số liệu phát sinh vào các sổ chi tiết để tính giá thành thực tế cho vật tư xuất kho. Ngoài ra còn làm các công việc khác do kế toán trưởng giao.

#### *Thủ quỹ*

Có nhiệm vụ thu chi tiền mặt theo quyết định của người có thẩm quyền của công ty. Ngoài ra thủ quỹ còn có nhiệm vụ tính toán lương và các khoản trích theo lương của cán bộ công nhân viên trong Công ty. Quản lý tiền mặt và bảo quản tiền mặt tại quỹ của Công ty.

#### *2.1.5.2. Thực hiện chế độ kế toán áp dụng tại Công ty.*

##### **❖ Chứng từ kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh theo đúng quy định kế toán hiện hành và tất cả các chứng từ, sổ sách kế toán đều tuân theo mẫu quy định của Bộ tài chính.

1/ Chứng từ thanh toán tiền mặt gồm:

- Phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị tạm ứng
- Bảng kiểm kê quỹ, bảng kê chi tiền

2/ Chứng từ hàng tồn kho gồm:

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, hàng hóa, thành phẩm
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ

3/ Chứng từ TSCĐ gồm:

- Biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ, biên bản kiểm kê TSCĐ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

4/ Chứng từ lao động tiền lương gồm:

- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ tiền lương

Bảng thanh toán làm thêm giờ, giấy đi đường

5/ Chứng từ bán hàng gồm:

Hóa đơn GTGT

Phiếu XK

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các loại chứng từ ban hành theo các văn bản pháp luật khác: giấy chứng nhận nghỉ ốm hưởng bảo hiểm xã hội, hóa đơn dịch vụ...

#### ❖ Hệ thống tài khoản kế toán

Tài khoản kế toán được Công ty mở và đánh số theo đúng quy định của hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp và được mở chi tiết cho từng điều khoản.

Công ty sử dụng tài khoản (TK) loại 1, 2 - phản ánh tài sản, TK loại 3, 4 - phản ánh nguồn vốn, TK loại 6, 8 - phản ánh chi phí, TK loại 5, 7 - phản ánh doanh thu, thu nhập, TK loại 9 - xác định kết quả kinh doanh, loại 10 - TK ngoài bảng.

#### ❖ Hệ thống sổ sách kế toán

Công ty sử dụng hệ thống sổ sách kế toán gồm: Nhật ký chung, sổ cái, sổ, thẻ chi tiết, bảng tổng hợp các tài khoản... để ghi chép và tổng hợp số liệu, chứng từ theo một trình tự, phương pháp ghi chép thích hợp. Niên độ kế toán được bắt đầu từ 1/1 và kết thúc vào 31/12, Công ty sử dụng đơn vị Đồng Việt Nam để ghi sổ kế toán, nếu trường hợp nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ, khi hạch toán sẽ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm hạch toán.

#### ❖ Hình thức tổ chức sổ kế toán.

Để phục vụ công tác kế toán phản ánh được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty, Công ty đã sử dụng hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số **48/2006/QĐ-BTC** ngày 14/09/2006.

- Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm N
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền
- Phương pháp tính giá : bình quân gia quyền
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: theo phương pháp khấu hao theo đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: áp dụng theo phương pháp khấu trừ

Số thuế phải nộp = Số thuế GTGT đầu ra - Số thuế GTGT đầu vào

Trong đó:

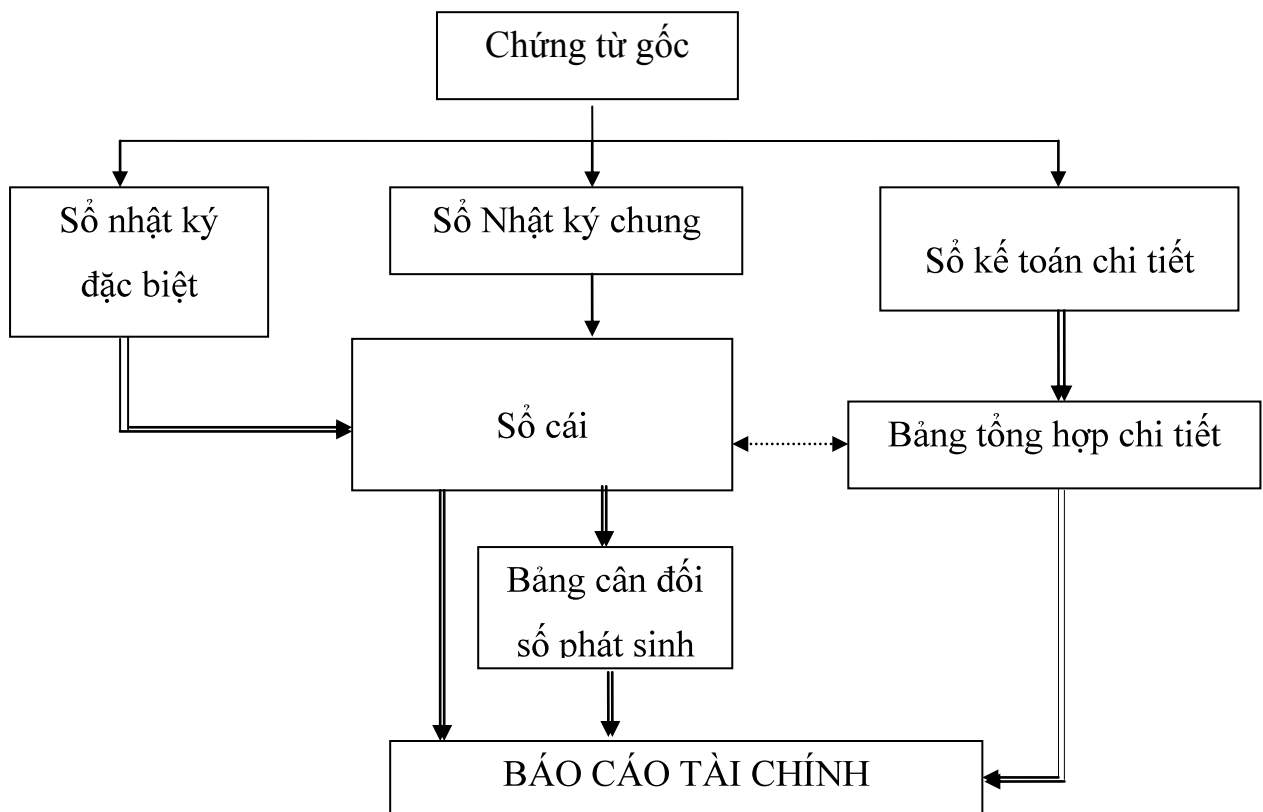
Thuế GTGT đầu ra = Giá tính thuế của hàng hoá dịch vụ x thuế suất

Thuế GTGT đầu vào = Tổng số thuế GTGT được thanh toán ghi trên hóa đơn GTGT của hàng hoá dịch vụ mua vào.

❖ **Trình tự ghi sổ**

Quy trình luân chuyển chứng từ được thể hiện qua sơ đồ sau đây:

**Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty**



Ghi chú: Ghi hàng ngày —————>

Ghi vào cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.-.-.-.->

❖ **Đặc điểm về báo cáo kế toán.**

- Niên độ kế toán: Cũng như phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay, niên độ kế toán tại công ty là một năm bắt đầu từ ngày 1/1 đến ngày 31/12 hàng năm thì kết thúc. Kỳ kế toán là 3 tháng, cuối mỗi quý, kế toán công ty sẽ tiến hành khóa sổ một lần.

- Đơn vị tiền tệ: Công ty sử dụng đồng tiền Việt Nam là đơn vị tiền tệ để hạch toán kế toán, ghi sổ và lập Báo cáo tài chính.

- Báo cáo Tài chính của Công ty được lập theo bốn mẫu sau:

+ Bảng cân đối kế toán: Mẫu số B01 – DNN

+ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Mẫu số B02 – DNN

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Mẫu số B03 – DNN

+ Thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu số B09 – DNN

## **2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN PHÁT**

### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát**

#### **2.2.1.1. Nội dung của doanh thu tiêu thụ tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát**

Bán hàng là quá trình đưa hàng hoá đến tay người tiêu dùng thông qua hình thức mua bán.

Đối với một doanh nghiệp, bán hàng hóa là khâu cuối cùng của một vòng chu chuyển vốn, là quá trình chuyển đổi tài sản từ hình thái hiện vật sang hình thái tiền tệ. Bán hàng có ý nghĩa vô cùng quan trọng, quyết định thành bại, là quá trình thực hiện lợi nhuận - mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp.

Hiện nay, Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp. Theo phương thức này công ty có thể bán buôn với số lượng lớn hoặc bán lẻ cho khách hàng chủ yếu là những cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua hàng nhằm đáp ứng yêu cầu trực tiếp của họ.

Phương thức thanh toán tiền hàng được thỏa thuận thống nhất giữa hai bên. Tại công ty áp dụng phương thức thanh toán trực tiếp (thanh toán bằng tiền mặt và chuyển khoản)

#### **❖ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo có, sổ phụ ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.



❖ **Tài khoản sử dụng.**

- TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

❖ **Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát**

Khi nghiệp vụ bán hàng phát sinh, kế toán viết hóa đơn GTGT thành 3 liên:

- Liên 1 ( màu tím) : liên gốc lưu tại quyền hóa đơn.

- Liên 2 ( màu đỏ) : giao cho khách hàng để lưu chuyển hàng hóa và ghi sổ kế toán tại đơn vị khách hàng.

- Liên 3 ( màu xanh) : lưu chuyển nội bộ và ghi sổ kế toán.

Trên Hoá đơn phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Ngày, tháng, năm phát sinh nghiệp vụ, số Hoá đơn.

- Tên đơn vị bán hàng (cung cấp dịch vụ), địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, hình thức thanh toán.

- Tên hàng hoá (dịch vụ cung cấp), số lượng, đơn giá, thành tiền, chiết khấu (nếu có), lệ phí dầu (đối với Hoá đơn bán dầu), thuế GTGT, tổng tiền thanh toán.

Kế toán căn cứ vào Hoá đơn GTGT, Phiếu xuất để viết phiếu thu và phản ánh vào sổ kế toán.

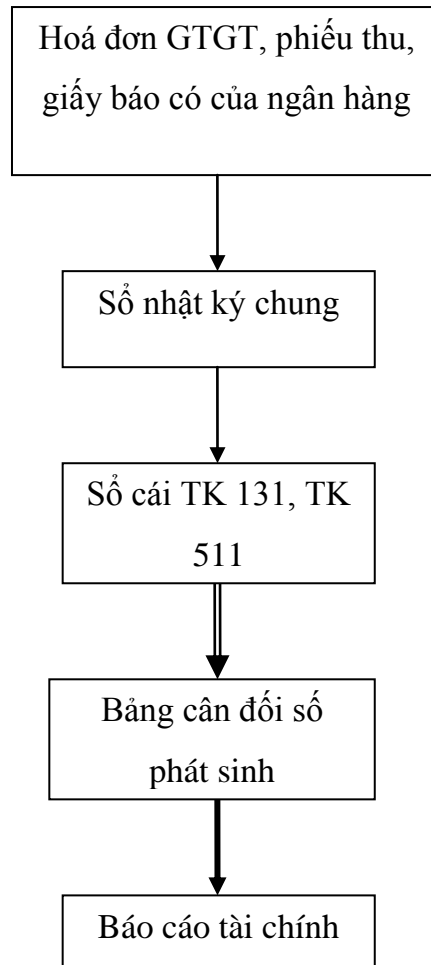
Kế toán sẽ định khoản như sau:

Nợ TK 111, 112, 131 : Tổng giá thanh toán

    Có TK 511                 : Doanh thu bán hàng

    Có TK 3331             : Thuế GTGT đầu ra

**Sơ đồ 2.4: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Ghi cuối năm —>

**Ví dụ minh họa**

Ngày 31/12/2013 công ty xuất bán xi măng, cát bê tông, đá 1x2+2x4, thép cuộn D6 cho công ty TNHH một thành viên thoát nước Hải Phòng theo HĐ GTGT số 0000279 với số tiền là 6.903.000( chưa VAT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

Căn cứ vào Hoá Đơn GTGT000279 (Biểu 2.1) ngày 31/12/2013 và các chứng từ khác liên quan, kế toán định khoản:

Nợ TK 1111 : 7.593.300

Có TK 511 : 6.903.000

Có TK 3331 : 690.300

Từ nghiệp vụ trên, kế toán tiến hành vào Sổ nhật ký chung (Biểu 2.2) sau đó từ Nhật ký chung vào Sổ cái TK 511(Biểu 2.3), Sổ cái TK 131( Biểu 2.4)

**Biểu 2.1: Hoá đơn GTGT số 0000279**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số:01 GTKT -3LL																
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			NG/2008B																
Liên 3: Nội bộ			0000279																
Ngày 31 tháng 12 năm 2013																			
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát.....																			
Địa chỉ: Số 107Ngô Gia Tự - Đằng Lâm - Hải An - Hải Phòng.....																			
Số tài khoản:0097 0406 000 3559.....																			
Điện thoại: .....		.....MS:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>		0	2	0	0	6	0	9	4	3	0				
0	2	0	0	6	0	9	4	3	0										
Họ tên người mua hàng: .....																			
Tên đơn vị: Cty TNHH Một thành viên thoát nước Hải Phòng .....																			
Địa chỉ: Số 01 – Lý Tự Trọng - Hồng Bàng – Hải Phòng.....																			
Số tài khoản:.....																			
Hình thức thanh toán: TM .....		.....MS:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>															
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Xi măng	Kg	2.200	1.290	2.838.000														
2	Cát bê tông	M3	3,5	220.000	770.000														
3	Đá 1x2+2x4	M3	5	230.000	1.150.000														
4	Thép cuộn D6	kg	130	16.500	2.145.000														
Cộng tiền hàng:					6.903.000														
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					690.300														
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					<b>7.593.300</b>														
Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu năm trăm chín mươi ba nghìn ba trăm đồng.																			
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>															
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao và nhận hóa đơn)																			

**Biểu 2.2: Trích sổ Nhật ký chung của công ty TNHH XD và TM An Phát**

Công ty TNHH XD & TM An Phát

Mẫu số: S03A – DN

Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số thứ tự đơn g	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng g					Nợ	Có
			Tháng 12/2013					
02/12	PN 045	02/12	Nhập HH theo HĐ 000448			156	337.850.000	
						133	33.785.000	
						331		371.635.000
05/12	HĐ 0000273	05/12	Bán hàng theo HĐ 0000273			131	257.730.000	
						511		234.300.000
						3331		23.430.000
06/12	HĐ 0000274	06/12	Bán hàng theo HĐ 0000274			1111	2.915.000	
						511		2.650.000
						3331		265.000
			.....					
31/12	HĐ 0000279	31/12	Bán hàng theo HĐ 0000279			131	7.593.300	
						511		6.903.000
						3331		690.300
			.....					

			Cộng số phát sinh				2.764.337.94	2.764.337.94
							4	4

Số này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.3: Trích Sổ cái TK 511 của công ty TNHH XD và TM An Phát**

Công ty TNHH XD & TM An Phát  
Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S03B – DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số tài khoản: 511

Thán 12 năm 2013

Đơn vị: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT		TS	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
05/12	HĐ 00273	05/12	Bán hàng theo HĐ số 000273			131		234.300.000	
06/12	HĐ 00274	06/12	Bán hàng theo HĐ số 000274			111		2.650.000	
09/12	HĐ 00275	09/12	Bán hàng theo HĐ số 000275			131		6.586.000	
			.....					.....	
<b>31/12</b>	<b>HĐ 00279</b>	<b>31/12</b>	<b>Bán hàng theo HĐ số 000279</b>			<b>131</b>		<b>6.903.000</b>	
31/12	PKT105	31/12	Kết chuyển doanh thu			911	269.359.000		
			Cộng phát sinh trong kỳ				269.359.000	269.359.000	
			Số dư cuối kỳ						

Số này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)

**Biểu 2.4: Trích Sổ cái TK 131 của công ty TNHH XD và TM An Phát**

Công ty TNHH XD & TM An Phát  
Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S03B – DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: Phải thu của khách hàng  
Số tài khoản: 131  
Thán 12 năm 2013

Đơn vị: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT		TS	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số dư đầu kỳ					1.196.678.58	
			Số phát sinh trong kỳ						
05/12	HĐ 00273	05/12	Bán hàng theo HĐ số 000273			511	234.300.000		
						3331	23.430.000		
06/12	HĐ 00274	06/12	Bán hàng theo HĐ số 000274			511	2.650.000		
						111	265.000		
09/12	HĐ 00275	09/12	Bán hàng theo HĐ số 000275			511	6.586.000		
						3331	658.600		
			.....						
13/12	BC 067	13/12	Công ty cổ phần quản lý dự án và xây dựng Licogi thanh toán			112		100.760.000	
			.....						
31/12	HĐ 00279	31/12	Bán hàng theo HĐ số 000279			511	6.903.000		
						3331	690.300		
			Cộng phát sinh trong kỳ				292.169.900	429.074.250	
			Số dư cuối kỳ					1.333.582.934	

Sổ này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)

**2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát**

**2.2.2.1. Nội dung kế toán giá vốn tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát**

Công ty xác định đối tượng tính giá vốn là từng loại mặt hàng, mỗi mặt hàng được xác định giá vốn riêng biệt, phương pháp tính giá vốn của công ty là bình quân gia quyền .

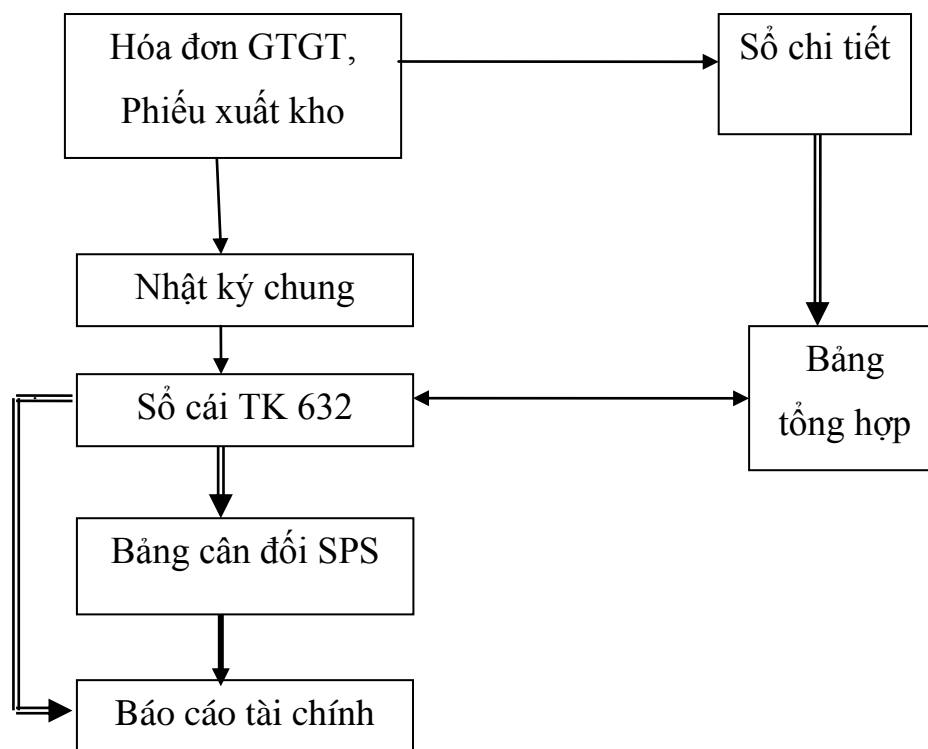
**❖ Tài khoản sử dụng:**

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

**❖ Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK632, TK154

**❖ Quy trình hạch toán**



**Sơ đồ 2.5: Hạch toán giá vốn****Ghi chú:**

====>	Ghi cuối kỳ
————>	Ghi hàng ngày

**❖ Ví dụ minh họa**

Tính giá vốn của lô hàng bán ngày 31/12/2013 công ty xuất bán xi măng, cát bê tông, đá 1x2+2x4, thép cuộn D6 cho công ty TNHH một thành viên thoát nước Hải Phòng theo phiếu nhập số 071 với số tiền là 5.783.376 đồng ( chưa VAT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

Kế toán định khoản:

+ Nợ TK632: 5.783.376

    Có TK155: 5.783.376

Căn cứ vào Phiếu xuất kho (*Biểu 2.5*), kế toán vào Sổ nhật ký chung(*Biểu 2.6*), từ sổ Nhật ký chung vào Sổ cái TK632(*Biểu 2.7*), TK 155. Kế toán hàng tồn kho căn cứ vào PX kho vào sổ chi tiết TK 155.



**Biểu 2.5: Phiếu xuất kho của công ty TNHH XD và TM An Phát**

Công ty TNHH XD & TM An Phát

Mẫu số: 02 – VT

Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 070

Nợ TK 632: 5.785.325

Có TK156: 5.785.325

Công ty mua hàng: Công ty TNHH MTV thoát nước Hải Phòng

Địa chỉ: Số 01 – Lý Tự Trọng - Hồng Bàng – Hải Phòng

Lý do xuất kho: Bán hàng theo hđ số 0000279

Xuất tại kho: Hàng hóa

ST T	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất	Ký hiệu hàng hóa	ĐV T	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Xi măng	HH01	Kg		2200	1.127	2.479.400
2	Cát bê tông	HH02	M3		3.5	189.093	661.826
3	Đá 1x2+2x4	HH03	M3		5	173.894	869.470
4	Thép cuộn D6	HH22	Kg		130	13.636	1.772.680
<b>Cộng tiền hàng</b>							<b>5.783.376</b>

Tổng số tiền(bằng chữ): Năm triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng.

Chứng từ gốc kèm theo: 1 HĐ GTGT số 0000279

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu    Người nhận hàng    Thủ kho    Kế toán trưởng    Giám đốc  
(Ký, họ tên)    (Ký, họ tên)    (Ký, họ tên)    (Ký, họ tên)    (Ký, họ tên)

**Biểu 2.6: Trích sổ Nhật ký chung của công ty TNHH XD và TM An Phát**

Công ty TNHH XD & TM An Phát

Mẫu số: S03A – DN

Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số thứ tự đồng	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Tháng 12/2013					
			.....					
05/12	PX 065	05/12	Bán hàng theo HĐ 0000273			632	217.600.000	
						156		217.600.000
06/12	PX 066	06/12	Bán hàng theo HĐ 0000274			632	869.470	
						156		869.470
10/12	BC 065	10/12	Công ty TNHH Một thành viên thoát nước Hải Phòng thanh toán			112	36.960.000	
						131		36.960.000
11/12	PT 049	11/12	Rút TGNH về quỹ TM			1111	49.950.000	
						1121		49.950.000
			.....					
<b>31/12</b>	<b>PX 070</b>	<b>31/12</b>	<b>Bán hàng theo HĐ 0000279</b>			<b>632</b>	<b>5.783.376</b>	
						<b>156</b>		<b>5.783.376</b>
			.....					
			Cộng số phát sinh				2.764.337.944	2.764.337.944

Sổ này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



**2.2.3 Kế toán chi phí hàng bán tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát**

Chi phí bán hàng là khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ trong kỳ như: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo,... Kế toán chi phí bán hàng tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát tiến hành như sau:

- Tính ra tiền lương và phụ cấp phải trả nhân viên bán hàng, đóng gói, vận chuyển, bảo quản, bốc dỡ sản phẩm tiêu thụ.

- Trích khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bán hàng.

Các chi phí khác bằng tiền phát sinh trong kỳ.

Việc hạch toán chi phí bán hàng tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát được hạch toán trên tài khoản 641 và được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí bán hàng vào bên nợ tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng trích khấu hao tài sản cố định - Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng**

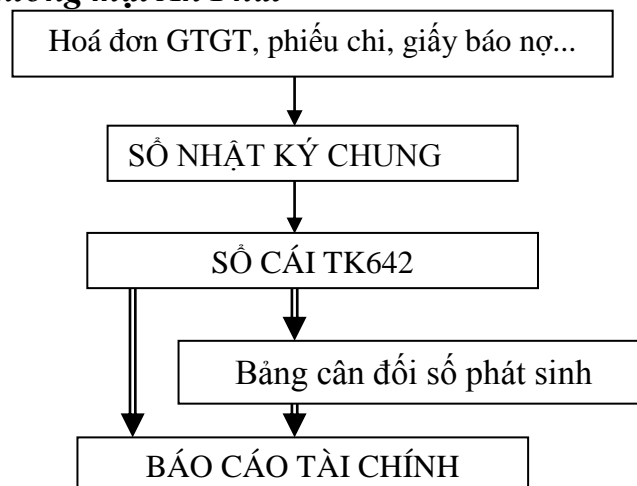
Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng.

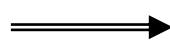
Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ **Quy trình hạch toán chi phí bán hàng tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát**

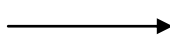


**Sơ đồ 2.6: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh**

**Ghi chú:**



Ghi cuối kỳ



Ghi hàng ngày

❖ **Ví dụ minh họa**

Ngày 5/12 công ty chi tiền mặt thanh toán tiền cước điện thoại theo hóa đơn số 2584533 với số tiền 916.301 đồng.

Biểu 2.8: Hóa đơn dịch vụ viễn thông



**HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ**  
**VIỄN THÔNG(GTGT)**  
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE(VAT)  
Liên 2: Giao khách hàng(Customer)

Mẫu số: 01GTKT2/001  
Ký hiệu(Serial No):AD/13T  
Số(No): **0117934**

**Mã số thuế:** 0200287977

**Viễn thông** (Telecommunication): Hải Phòng- TT Dịch vụ khách hàng.

**Địa chỉ:** Số 5-Nguyễn Chi Phương-Minh Khai-Hồng

Bàng-Hải Phòng

**Tên khách hàng** (Customer ,s name): **Công ty CP XD&TM An Phát**

**Địa chỉ** (Address): **107-Ngô Gia Tự-Dường Lâm-Hải An-Hải Phòng**

**Số ĐT:**0313.728.560..... **Mã số**(Code): HPG-04-230905(T45DDG)

**Hình thức thanh toán** (Kind of Payment): TM/CK      **MST:**

STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Đơn giá	Thành tiền
	Kỳ cước tháng 12				
	a.Cước dịch vụ viễn thông				833.001
	b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c.Chiết khấu				0
	d.Khuyến mãi				0
	e.Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				
<b>(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):</b>					<b>833.001</b>
<b>Thuế suất GTGT(VAT rate): 10% x (1)= Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):</b>					<b>83.300</b>
<b>(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán( Grand total) (1+2):</b>					<b>916.301</b>

Số tiền viết bằng chữ: Chín trăm mười sáu nghìn ba trăm linh một đồng.

Ngày 05 tháng 12 năm 2013

Người nộp tiền ký

Nhân viên giao dịch ký

**Biểu 2.9: Phiếu chi**

Công ty TNHH XD&TM An Phát

Mẫu số: 02-TT

Số 107 Ngô Gia Tự-Hải An-HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Liên: 2

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

**Ngày 05 tháng 12 năm 2013**

**Số 142**

Nợ TK 642: 833.001

Nợ 133: 83.300

Có TK 111:916.301

Họ tên người nhận tiền: Công ty thông tin di động

Địa chỉ: Số 8 lô 28A-Lê Hồng Phong-Ngô Quyền\_Hải Phòng

Lý do chi: Thanh toán tiền cước điện thoại tháng 12

Số tiền: 916.301 đồng

Bằng chữ: Chín trăm mười sáu nghìn ba trăm linh một đồng.

Kèm theo: 1 Chứng từ gốc. HĐ 2584533

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, đóng dấu)
---------------------------------	---------------------------------	-------------------------	--------------------------------	----------------------------

**Biểu 2.10: Trích Sổ Nhật ký chung của công ty TNHH XD và TM An Phát**

Công ty TNHH XD & TM An Phát

Mẫu số: S03A – DN

Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số thứ tự dòng	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Tháng 12/2013					
			.....					
05/12	HĐ 2584533	05/12	Thanh toán cước điện thoại theo hd 2584533			642	833.001	
						133	83.300	
						111		916.301
			.....					
14/12	PT 050	14/12	Rút TGNH về quỹ TM			1111	102.000.000	
						1121		102.000.000
13/12	HĐ 0500071	13/12	Thanh toán tiền cước điện thoại theo HĐ 0500071			642	691.506	
						133	69.151	
						111		760.657
31/12	PKT	31/12	Tính lương phải trả CNV			642	38.000.000	
						334		38.000.000
			.....					
			Cộng số phát sinh				2.764.337.944	2.764.337.944

Sổ này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.11: Trích Sổ cái TK 642 của công ty TNHH XD và TM An Phát**

Công ty TNHH XD & TM An Phát  
Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S03B – DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh  
Số tài khoản: 642  
Tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT		TS	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
05/12	<b>HĐ 2584533</b>	05/12	<b>Thanh toán tiền cước điện thoại theo hđ 2584533</b>			<b>111</b>	<b>833.001</b>		
16/12	HĐ 0500071	16/12	Thanh toán tiền cước điện thoại theo HĐ 0500071			111	691.506		
			.....						
31/12	PKT 106	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh			911		44.789.768	
			Cộng phát sinh trong kỳ				44.789.768	44.789.768	
			Số dư cuối kỳ						

Sổ này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)



Biểu 2.12:Trích Sổ cái TK 111 của công ty TNHH XD và TM An Phát

Công ty TNHH XD & TM An Phát  
Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S03B – DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: Tiền mặt  
Số tài khoản:111  
Tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT		TS	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số dư đầu kỳ				807.800.425		
			Số phát sinh trong kỳ						
<b>05/12</b>	<b>PC 141</b>	<b>05/12</b>	<b>Thanh toán tiền cước điện thoại theo hđ 2584533</b>			<b>642</b>		<b>833.001</b>	
						<b>133</b>		<b>83.300</b>	
06/12	PT 048	06/12	Bán hàng theo HĐ 0000274			511	2.650.000		
						3331	265.000		
11/12	PT 049	11/12	Rút TGNH về quỹ TM			1121	49.950.000		
14/12	PT 055	14/12	Rút TGNH về quỹ TM			1121	102.000.000		
16/12	PC 142	16/12	Thanh toán tiền cước điện thoại theo HĐ 0500071			642		691.506	
						133		69.150	
			.....						
			Cộng phát sinh trong kỳ				232.125.000	43.662.758	
			Số dư cuối kỳ				996.262.667		

Sổ này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)

**2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính**

**❖ Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Về hoạt động tài chính, Công ty không có hoạt động tài chính mà nội dung trên tài khoản chi phí tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay, và doanh thu tài chính cũng chủ yếu là lãi từ tài khoản tiền gửi ngân hàng. Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

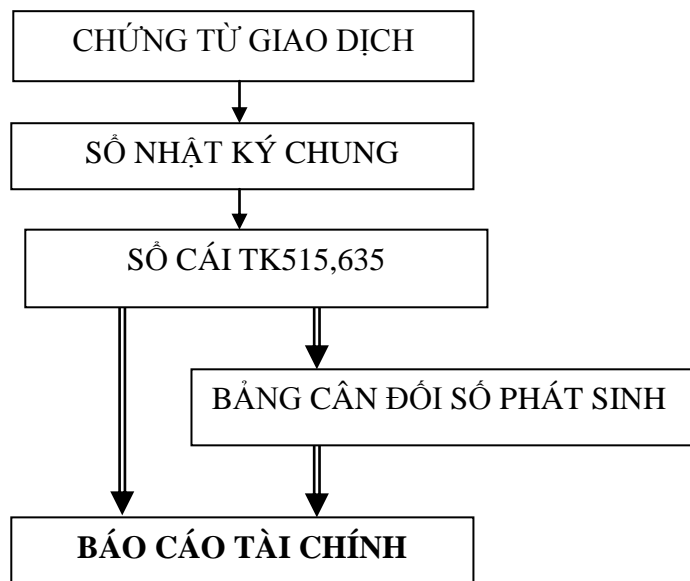
**❖ Tài khoản sử dụng**

- TK 515 : Doanh thu tài chính.
- TK 635 : Chi phí tài chính.

**❖ Chứng từ, sổ sách sử dụng**

- Giấy báo Có, Giấy báo Nợ.
- Phiếu chi, phiếu thu.
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có).
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái TK 515,635.

**❖ Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính**



**Sơ đồ 2.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính**

**Ghi chú:**

- ====> Ghi cuối kỳ
- ====> Ghi hàng ngày

**❖ Ví dụ minh họa**

Ngày 25/12 công ty trả gốc và lãi tiền vay ngân hàng Techcombank số tiền là 9.389.658 đồng

Ngày 31/12 công ty nhận được giấy báo có tiền gửi của ngân hàng TMCP Quốc tế VIB CN Hải Phòng với số tiền là 907.685 đồng.

**Biểu 2.13: Giấy báo có tiền gửi****BÁO CÓ TIỀN GỬI****Ngày 31 tháng 12 năm 2013****Số 070**

Nợ TK 1121: 907.685

Có TK 515: 907.685

Họ tên người nộp tiền: Ngân hàng TMCP Quốc tế VIB Hải Phòng

Địa chỉ: Hải Phòng

Lý do nộp: Lãi tiền gửi ngân hàng

Số tiền: 907.685 đồng

Bằng chữ: Sáu nghìn sáu trăm chín mươi bảy đồng.

Kèm theo: Chứng từ gốc.

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, đóng dấu)
---------------------------------	--------------------------------	-------------------------	--------------------------------	----------------------------

Biểu 2.14: Phiếu báo nợ  
 NGÂN HÀNG TMCP  
 KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Mẫu số: 01GTKT2/003  
 Ký hiệu: AA/11T

Chi nhánh: HPG - TCB HP  
 MST: 0100230800-004



Số:

Trang 1/1

**PHIẾU BÁO NỢ**

(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)

Liên 2 - Giao khách hàng Ngày 25 tháng 12 năm 2013

Tên khách hàng: CT CP XD&TM AN PHAT  
 Địa chỉ: So 107-Ngô Gia Tự-Đặng Lâm-Hải An  
 Mã số thuế:  
 Số ID khách hàng:

Số tài khoản: 14022960013015  
 Loại tiền : VND  
 Loại TK: TIEN GUI THANH TOAN  
 Số bút hạch toán:

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Thu nợ lãi	1.056.325
Tổng số tiền	1.056.325

Số tiền bằng chữ : Một triệu không trăm lăm mươi sáu ngàn ba trăm hai mươi lăm ngàn.  
 Trích yếu : Thu no lai (LD - IN).

**Lập phiếu**

**Kiểm soát**

**Kế toán trưởng**

**Biểu 2.15: Trích Sổ Nhật ký chung của công ty TNHH XD và TM An Phát**

Công ty TNHH XD & TM An Phát

Mẫu số: S03A – DN

Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số thứ tự đồng	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Tháng 12/2013					
			.....					
25/12	BN số 075	25/12	Trả gốc và lãi tiền vay NH			341	8.333.333	
						635	1.056.325	
						112		9.389.658
			.....					
31/12	BC số 070	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng			112	907.685	
						515		907.685
			.....					
			Cộng số phát sinh				2.764.337.944	2.764.337.944

Sổ này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.16: Trích Sổ cái TK 515 của công ty TNHH XD và TM An Phát**

Công ty TNHH XD & TM An Phát  
Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S03B – DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: Doanh thu tài chính

Số tài khoản: 515

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT		TS	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
<b>31/12</b>	<b>BC 070</b>	<b>31/12</b>	<b>Lãi tiền gửi NH</b>			<b>112</b>		<b>907.685</b>	
31/12	<b>PKT105</b>	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC			911	907.685		
			Cộng phát sinh trong kỳ				907.685	907.685	
			Số dư cuối kỳ						

Sổ này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

**Biểu 2.17: Trích Sổ cái TK 635 của công ty TNHH XD và TM An Phát**

Công ty TNHH XD & TM An Phát  
Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S03B – DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: Chi phí tài chính

Số tài khoản: 635

Thán 12 năm 2013

Đơn vị: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT		TS	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
<b>25/12</b>	<b>BN 075</b>	<b>25/12</b>	<b>Lãi tiền vayNH</b>			<b>112</b>	<b>1.056.325</b>		
31/12	PKT 106	31/12	Kết chuyển chi phí HĐTC			911		1.056.325	
			Cộng phát sinh trong kỳ				1.056.325	1.056.325	
			Số dư cuối kỳ						

Sổ này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

### 2.3.5 . Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

#### ❖ Nội dung kế toán

*Thu nhập khác*: là giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường. Thu nhập khác bao gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- + Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- + Thu tiền phạt do khách vi phạm hợp đồng.
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- + Các khoản thuế được ngân sách Nhà nước hoàn lại.
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- + Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

*Chi phí khác*: là khoản chi phí của những hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác bao gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- + Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Chi phí bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- + Chi phí bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- + Và các khoản chi phí khác.

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- + Phiếu chi, Phiếu thu
- + Phiếu báo nợ, Phiếu báo có
- + Biên bản thanh lý TSCĐ
- + Các chứng từ khác có liên quan.

#### ❖ Tài khoản sử dụng

- + Tài khoản 711 - “Thu nhập khác”
- + Tài khoản 811 – “Chi phí khác”
- + Tài khoản 3331 – “Thuế GTGT phải nộp”
- + Tài khoản 133 – “Thuế GTGT được khấu trừ”
- + Các tài khoản khác có liên quan: TK 111,112, ...

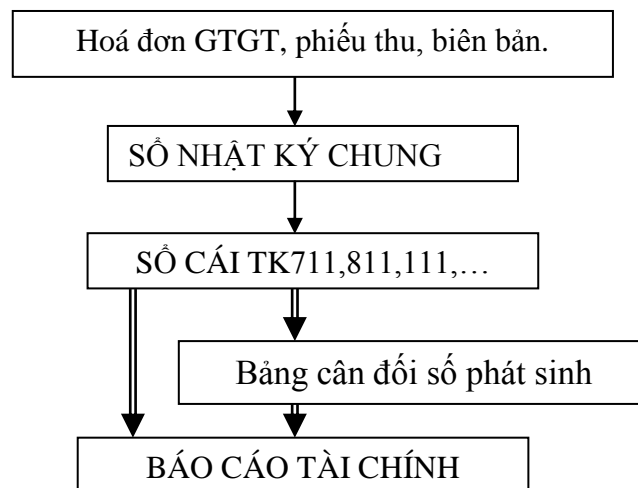


❖ **Sổ sách kế toán sử dụng**

- + Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung
- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái TK 711, TK811
- + Và các sổ khác có liên quan.

Trong năm 2013, tại Công ty cổ phần xây lắp điện Duyên Hải không phát sinh các khoản chi phí khác và thu nhập khác.

❖ **Quy trình hạch toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Xây dựng và thương mại An Phát**



**Sơ đồ 2.8: Sơ đồ hạch toán chi phí khác và thu nhập khác**

**Ghi chú:**

- ====> Ghi cuối kỳ
- ====> Ghi hàng ngày

**Ví dụ minh họa**

Ngày 31/12 Công ty nhượng bán một ô tô tải ben biển IFA 16L – 9508 theo hoá đơn số 000281 nguyên giá 285.714.286đ, giá trị còn lại tính đến ngày thanh lý 48.625.350đ. Công ty bán cho ông Bùi Đức Trọng với giá 60.500.000(giá có VAT 10%)bằng tiền mặt.

**Biểu 2.18: Hóa đơn GTGT số 000281**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số: 01 GTKT -3LL																
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			NG/2008B																
Liên 3: Nội bộ			0000281																
Ngày 31 tháng 12 năm 2013																			
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát.....																			
Địa chỉ: Số 107Ngô Gia Tự - Đằng Lâm - Hải An - Hải Phòng.....																			
Số tài khoản: 0097 0406 000 3559.....																			
Điện thoại: .....		.....MS:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>		0	2	0	0	6	0	9	4	3	0				
0	2	0	0	6	0	9	4	3	0										
Họ tên người mua hàng: .....																			
Tên đơn vị: .....																			
Địa chỉ: .....																			
Số tài khoản: .....																			
Hình thức thanh toán: TM .....		.....MS:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>															
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Bán xe ô tô tải ben IFA 16L – 9508	Chiếc	1		55.000.000														
Cộng tiền hàng:					55.000.000														
Thuế GTGT: 0 %      Tiền thuế GTGT:					5.500.000														
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					<b>60.500.000</b>														
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng.																			
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															
( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao và nhận hóa đơn)																			

**Biểu 2.19: Phiếu thu**

Công ty TNHH XD&TM An Phát

Mẫu số: 02-TT

Số 107 Ngô Gia Tự-Hải An-HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Liên: 2

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**Số 142**

Họ tên người nộp tiền: Bùi Đức Trọng

Địa chỉ: An Dương – Hải Phòng

Lý do thu: Thu tiền thanh lý TSCĐ

Số tiền: 60.500.000 đồng

Bằng chữ: Sáu mươi triệu lăm trăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 1 Chứng từ gốc. HĐ 0000281

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, đóng dấu)
---------------------------------	---------------------------------	-------------------------	--------------------------------	----------------------------

**Biểu 2.20: Trích Sổ Nhật ký chung của công ty TNHH XD và TM An Phát**

Công ty TNHH XD & TM An Phát

Mẫu số: S03A – DN

Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số thứ tự dòng	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Tháng 12/2013					
			.....					
31/12	PXK 073	31/12	Hạch toán bán xe ô tô tải ben IA 16L-9508			214	237.088.936	
						811	48.625.350	
						211		
31/12	HD 000281	31/12	Thu từ thanh lý TSCĐ			111	60.500.000	
						711		55.000.000
						3331		5.500.000
			.....					
			Cộng số phát sinh				2.764.337.944	2.764.337.944

Sổ này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.21: Trích Sổ cái của công ty TNHH XD và TM An Phát**

Công ty TNHH XD & TM An Phát  
Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S03B – DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: Thu nhập khác  
Số tài khoản: 711  
Thán 12 năm 2013

Đơn vị: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT		TS	STT đồng		Nợ	Có	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
			.....					.....	
<b>31/12</b>	<b>HD 000281</b>	<b>31/12</b>	<b>Bán xe ô tô tải ben biển 16L-9508</b>			<b>111</b>		<b>55.000.000</b>	
31/12	PKT 105	31/12	Kết chuyển thu nhập khác			911	105.500.000		
			Cộng phát sinh trong kỳ				105.500.000	105.500.000	
			Số dư cuối kỳ						

Sổ này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)

**Biểu 2.22: Trích Sổ cái của công ty TNHH XD và TM An Phát**

Công ty TNHH XD & TM An Phát  
Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S03B – DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: Thu nhập khác  
Số tài khoản: 811  
Thán 12 năm 2013

Đơn vị: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT		TS	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
			.....					.....	
31/12	HD 000281	31/12	<b>Bán xe ô tô tải ben IFA 16L-9508</b>			<b>211</b>	<b>48.625.350</b>		
31/12	PKT 106	31/12	Kết chuyển chi phí khác					48.625.350	
			Cộng phát sinh trong kỳ				48.625.350	48.625.350	
			Số dư cuối kỳ						

Sổ này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...  
Ngày mở sổ 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)

**2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh****❖ Đặc điểm:**

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty bao gồm:

\* *Kết quả sản xuất kinh doanh:*

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả sản} & & \text{Doanh thu} & & \text{Giá vốn} \\ \text{xuất kinh doanh} & = & \text{thuần} & - & \text{hàng bán} & - & \text{Chi phí} \\ & & & & & & \text{QLDN} \end{array}$$

\* *Kết quả hoạt động tài chính*

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả hoạt} & & \text{Doanh thu hoạt} & & \text{Chi phí} \\ \text{động tài chính} & = & \text{động tài chính} & - & \text{Tài chính} \end{array}$$

\* *Kết quả hoạt động khác*

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả hoạt} & & \text{Thu nhập} & & \text{Chi phí} \\ \text{động khác} & = & \text{khác} & - & \text{khác} \end{array}$$

**❖ Nguyên tắc hạch toán:**

\* Kế toán sử dụng **TK 911** để xác định kết quả kinh doanh, phương pháp hạch toán như sau:

- Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là các số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711, TK 632, TK 635, TK 642, TK 811. Số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 được kết chuyển vào bên có TK 911. Số dư cuối quý, cuối năm của các TK còn lại được kết chuyển vào bên nợ TK 911.

- Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh như sau:

+ Nếu số tiền dư bên Nợ TK 911, tức là trong quý, năm kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là lỗ và số tiền này được kết chuyển sang Nợ TK 421 – “Lợi nhuận chưa phân phối”.

+ Nếu số tiền dư bên Có TK 911, tức là trong quý, năm kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là lãi, số tiền này được kết chuyển sang bên Có TK 421

**❖ Tài khoản sử dụng:**

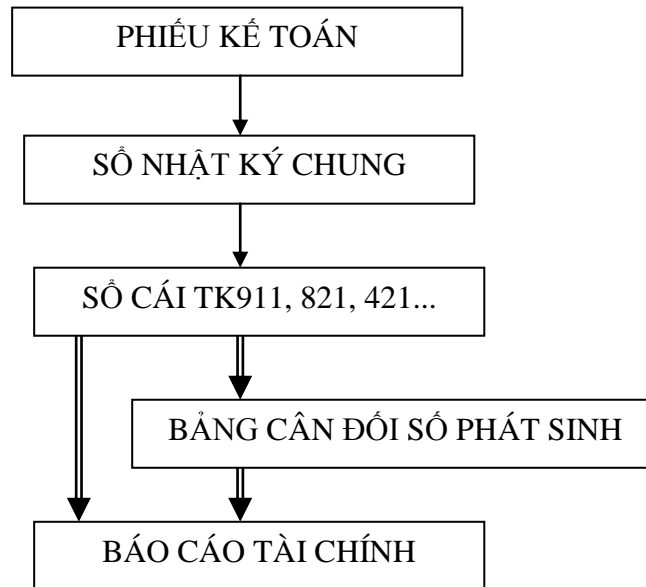
+ Tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh

+ Tài khoản 821 – Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành

+ Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Và các tài khoản liên quan.

❖ **Quy trình hạch toán hạch toán**



**Sơ đồ 2.9: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

**Ghi chú:**

- ====> Ghi cuối kỳ
- ====> Ghi hàng ngày

Cuối kỳ, kế toán lập các Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Căn cứ vào các Phiếu kế toán, các nghiệp vụ được ghi chép vào Sổ nhật ký chung. Từ Sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan. Số liệu trên Sổ cái được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh, kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính.



**Biểu 2.23:Phiếu kế toán**

Công ty TNHH XD & TM An Phát  
Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013  
Số 105

Đơn vị: VNĐ

STT	Diễn giải	Tài khoản ghi nợ	Tài khoản ghi có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu	511	911	269.359.000
2	Kết chuyển DT HĐTC	515	911	907.685
3	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	105.500.000
	<b>Cộng</b>			<b>375.766.685</b>

Số này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)

**Biểu 2.24: Phiếu kế toán**

Công ty TNHH XD & TM An Phát  
Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 106

Đơn vị: VNĐ

STT	Diễn giải	Tài khoản ghi nợ	Tài khoản ghi có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	259.490.236
2	Kết chuyển chi phí QLKD	911	642	44.789.768
3	Kết chuyển chi phí HĐTC	911	635	1.056.325
4	Kết chuyển chi phí khác	911	811	48.625.350
5	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	5.451.252
6	Kết chuyển lãi	911	421	16.353.754
	Cộng			375.766.685

Số này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

**Biểu 2.25: Trích Sổ Nhật ký chung của công ty TNHH XD và TM An Phát**

Công ty TNHH XD & TM An Phát  
Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S03A – DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số thứ tự dòng	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Tháng 12/2013					
			.....					
31/12	PKT 105	31/12	Kết chuyển doanh thu			511	269.359.000	
						911		269.359.000
31/12	PKT105	31/12	Kết chuyển DT HĐTC			515	907.685	
						911		907.685
31/12	PKT105	31/12	Kết chuyển thu nhập khác			711	105.500.000	
						911		105.500.000
31/12	PKT106	31/12	Kết chuyển giá vốn			911	259.490.236	
						632		259.490.236
31/12	PKT106	31/12	Kết chuyển CP HĐTC			911	1.056.325	
						635		1.056.325
31/12	PKT106	31/12	Kết chuyển CP QLDN			911	44.789.768	
						642		44.789.768
31/12	PKT106	31/12	Kết chuyển chi phí khác			911	48.625.350	
						811		48.625.350
31/12	PKT 106	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN			911	5.451.252	
						821		5.451.252
31/12	PKT106	31/12	Kết chuyển lãi			911	16.353.754	
						421		16.353.754
			Cộng số phát sinh				2.764.337.944	2.764.337.944

Sổ này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.26: Trích Sổ cái của công ty TNHH XD và TM An Phát**

Công ty TNHH XD & TM An Phát  
Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S03B – DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh  
Số tài khoản: 911  
Tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT		TS	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
31/12	PKT 105	31/12	Kết chuyển doanh thu			511		269.359.000	
31/12	PKT 105	31/12	Kết chuyển DT HĐTC			515		907.685	
31/12	PKT 105	31/12	Kết chuyển thu nhập khác			711		105.500.000	
31/12	PKT 106	31/12	Kết chuyển giá vốn			632	259.490.236		
31/12	PKT 106	31/12	Kết chuyển CP HĐTC			635	1.056.325		
31/12	PKT 106	31/12	Kết chuyển CP QLDN			642	44.789.768		
31/12	PKT 106	31/12	Kết chuyển chi phí khác			811	48.625.350		
31/12	PKT 106	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN			821	5.451.252		
31/12	PKT 106	31/12	Kết chuyển lãi			421	16.353.754		
			Cộng phát sinh trong kỳ				375.766.685	375.766.685	
			Số dư cuối kỳ						

Sổ này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)

**Biểu 2.27: Trích Sổ cái của công ty TNHH XD và TM An Phát**

Công ty TNHH XD & TM An Phát  
Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S03B – DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối  
Số tài khoản: 421  
Năm 2013

Đơn vị: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT		TS	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số dư đầu kỳ					23.851.590	
			Số phát sinh trong kỳ						
<b>31/12</b>	<b>PKT 106</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển lãi lỗ tháng 12</b>			<b>911</b>		<b>16.353.754</b>	
			Cộng phát sinh trong kỳ					16.353.754	
			Số dư cuối kỳ					40.205.344	

Sổ này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)

**Biểu 2.28: Báo cáo kết quả kinh doanh**

Công ty TNHH XD & TM An Phát  
Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: B02 – DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****Năm 2013**

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã	TM	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	(1)	(2)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	1.639.805.424	8.233.051.545
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.639.805.424	8.233.051.545
4	Giá vốn hàng bán	11		1.415.405.044	7.947.450.842
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		224.400.380	285.600.703
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.961.879	2.931.005
7	Chi phí tài chính	22			
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		13.068.459	138.054.639
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		219.561.325	100.940.152
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30		(3.267.525)	49.536.917
10	Thu nhập khác	31		105.500.000	-
11	Chi phí khác	32		48.625.350	-
12	Lợi nhuận khác	40		56.874.650	-
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	IV.09	53.607.125	49.536.917
14	Chi phí thuế thu nhập DN	51		13.401.781	12.384.229
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		40.205.344	37.152.688

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)

### CHƯƠNG III

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN PHÁT

### 3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH xây dựng và thương mại An Phát, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả như sau:

#### 3.1.1 Ưu điểm

**Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh:** Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

**Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty:** Cơ cấu của phòng tài chính kế toán gọn nhẹ. Các cán bộ kế toán có tính độc lập, nhiệt tình và có lòng yêu nghề, chưa để xảy ra sai phạm đáng kể trong kinh tế tài chính, hạch toán thống kê. Giám sát và quản lý các chi phí phát sinh theo đúng pháp luật và quy định của công ty.

**Về hạch toán kế toán nói chung:** Nhìn chung công ty thực hiện đầy đủ và chính xác chế độ kế toán cũng như chuẩn mực ban hành cụ thể.

**Về chứng từ kế toán:** kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh tạo ra điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý.

**Về sổ sách kế toán:** các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng, sạch sẽ và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của Nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ ghi, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra.

**Về hệ thống tài khoản sử dụng:** công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất

theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

**Về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:** Công ty đã nắm bắt nhanh chóng những thông tin kinh tế của những thay đổi về chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại đơn vị.

*Về tổ chức kế toán doanh thu:* Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

*Về công tác kế toán chi phí:* Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu được đảm bảo được chính xác, đầy đủ và kịp thời phát sinh.

*Về kế toán xác định kết quả kinh doanh:* Công tác này tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

### **3.1.2 Hạn chế**

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện sau:

#### **Về việc ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán**

Hạch toán ở công ty chủ yếu được ghi chép bằng tay. Hệ thống máy tính ở phòng kế toán chưa thực sự được sử dụng một cách hiệu quả để phục vụ cho công tác kế toán mà chủ yếu phục vụ cho các công việc văn phòng thông thường. Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán trong việc hạch toán kế toán.

#### **Về việc vận dụng hệ thống tài khoản kế toán.**

Hiện nay công ty đã mở tài khoản chi tiết đến cấp 2 để theo dõi doanh thu bán hàng cũng như giá vốn của hàng hóa dịch vụ thương mại. Với đặc thù là



một doanh nghiệp vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ bao gồm nhiều mặt hàng, nhưng công ty chỉ sử dụng TK đến cấp 2 mà không mở rộng chi tiết đến các TK cấp 3 hay 4 làm cho việc theo dõi xuất nhập cũng như hạch toán doanh thu, giá vốn chi tiết cho từng loại mặt hàng gặp nhiều khó khăn.

Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại An Phát sử dụng tài khoản 642 để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp theo như quy định kế toán hiện hành. Tuy nhiên công ty chưa tiến hành khai báo chi tiết theo đối tượng chi phí như: chi phí tiền lương nhân viên quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ công tác quản lý, thuế, phí, lệ phí và các chi phí bằng tiền khác v.v... ảnh hưởng đến việc theo dõi hạch toán chi tiết kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng chưa rõ ràng, cũng chưa tiết kiệm được chi phí hiệu quả.

### **Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng.**

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi công ty không thực hiện chính sách chiết khấu cho khách hàng thanh toán sớm so với thời hạn ghi trên hợp đồng hay đặt tiền hàng trước sẽ không kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

## **3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát**

### **3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Khi Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải quan tâm nhiều hơn về sản phẩm và hoạt động sản xuất kinh doanh của họ. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lãi lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và chọn lọc thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện do vậy kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua. Tuy nhiên, những tồn tại hạn chế là yếu tố tất yếu trong bất kỳ bộ phận nào, kể cả bộ máy kế toán. Do vậy

yêu cầu hoàn thiện luôn đặt ra.

Bộ phận kế toán là bộ phận quan trọng không thể thiếu trong tất cả các doanh nghiệp. Bộ phận này có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho toàn doanh nghiệp. Do đó nó càng phải được hoàn thiện để đáp ứng tốt với sự thay đổi của doanh nghiệp, hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo công ty và các cơ quan quản lý của Nhà nước.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán quan trọng nhất. Vì vậy, yêu cầu hạch toán đúng, đầy đủ theo chế độ kế toán hiện hành được đặt ra cao hơn các phần hành khác vì mỗi phần hành nhỏ trong quy trình hạch toán lại ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn bộ doanh nghiệp. Hạch toán đúng phần này không những xác định đúng kết quả cho doanh nghiệp đã đạt được trong kỳ, mà còn có tác dụng nâng cao hiệu quả lao động của các bộ phận trong công ty, bởi thông tin kế toán là những thông tin tổng hợp tác động đến tất cả các hoạt động của công ty.

### ***3.2.2. Một số nguyên tắc cơ bản để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

Do tầm quan trọng của phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên việc hoàn thiện phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế quản lý tài chính, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, phù hợp với thông tư, nghị định của Nhà nước.

- Hoàn thiện phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hoàn thiện công tác kế toán chính vì mục tiêu cuối cùng là nhằm giảm bớt sự phức tạp, giảm bớt khối lượng công việc kế toán nhưng phải đảm bảo phù hợp với chế độ. Hoàn thiện phải phù hợp với đặc trưng của doanh nghiệp đặc biệt là phù hợp với trình độ và năng lực của đội ngũ các bộ nhân viên phòng kế toán.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng thông tin một cách kịp thời, chính xác, góp phần làm tăng tính hiệu quả cho công tác quản lý doanh nghiệp. Thông tin kế toán có được sau khi đã hoàn thiện phải tốt hơn, chuẩn hơn, đầy đủ hơn so với trước.

- Hoàn thiện phải đảm bảo tính khả thi dựa trên nguyên tắc tiết kiệm mà hiệu quả. Tiết kiệm là làm sao để chi phí bỏ ra là thấp mà hiệu quả thu được là cao thì khi đó việc hoàn thiện mới thực sự có kết quả tốt.

### **3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Phát**

Qua quá trình thực tập tại Công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Bài viết xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty như sau:

#### **Kiến nghị 1 Về hiện đại hóa công tác kế toán**

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý công ty nên trang bị máy móc có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty. Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, điều đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu vì đặc điểm hàng hóa của công ty đa dạng. Phần mềm kế toán sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp. Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư (Thông tư 103/2005/TT\_BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán) hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như : Phần mềm kế toán Fast của công ty CP phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast. Phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft..... Phần mềm kế toán SAS-INNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau : Việc tổ chức ghi chép vào sổ kế toán tài chính, máy tính nhập dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo vào máy những yêu cầu cần thiết( sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu.

Việc sử dụng phần mềm kế toán là cần thiết bởi vì:

- Tiết giảm chi phí nhân công.
- Giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán
- Tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng kịp thời về tình hình tài chính của doanh nghiệp.

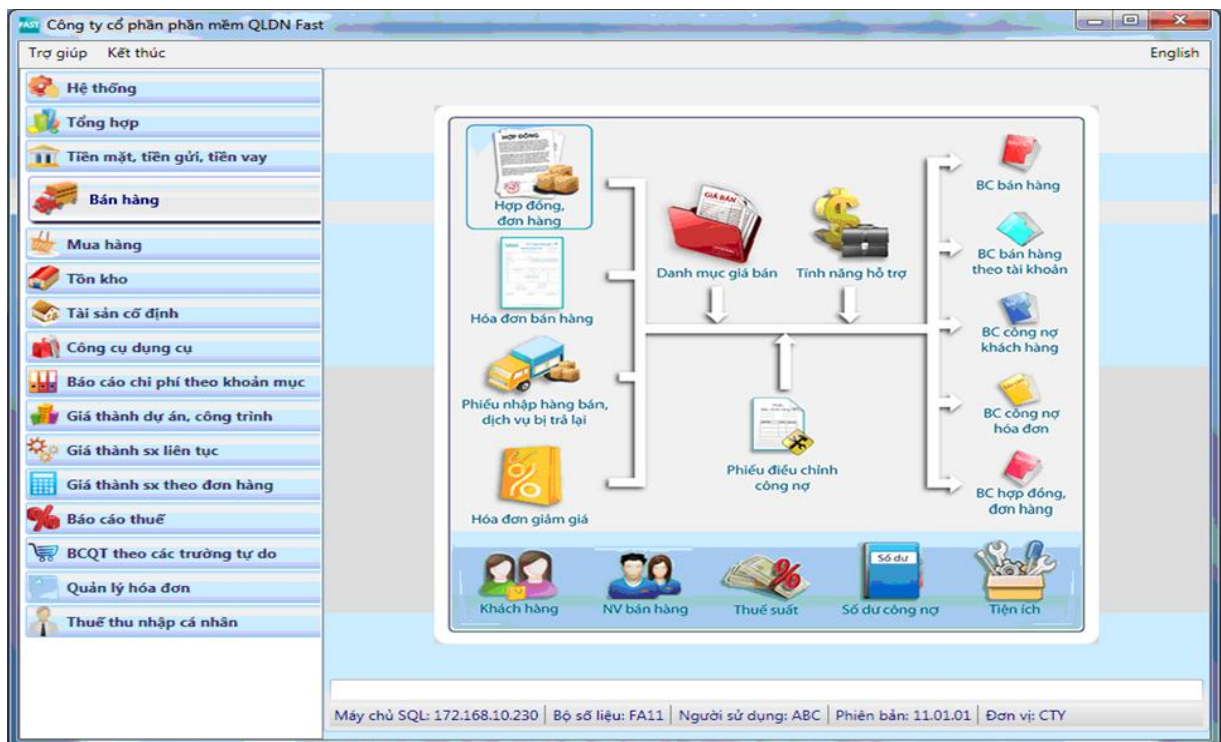
- Làm cho kế toán không phải mất nhiều thời gian cho việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhằm chận để dành thời gian nhiều hơn cho lao động sáng tạo của cán bộ quản lý.

- Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.

**Ví Du:** Một số phần mềm kế toán như:

Biểu 3.1: Giao diện phần mềm kế toán FAST

**Giá của phần mềm FAST:** 10.000.000đ/bản



Biểu số 3.2: Giao diện của phần mềm kế toán MISA

**Giá của phần mềm MISA 2012: 9.950.000đ/bản**



***Kiến nghị 2: Về việc vận dụng hệ thống tài khoản kế toán và hệ thống sổ sách - lập sổ chi tiết bán hàng***

### **Hệ thống sổ sách – lập sổ chi tiết bán hàng**

Hệ thống sổ kế toán tại mỗi công ty đều có vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty chỉ thực sự có hiệu quả khi có một hệ thống sổ kế toán phù hợp với quy mô và quy trình kinh doanh tại công ty. Một hệ thống sổ kế toán hoàn thiện phải bao gồm hệ thống sổ tổng hợp và sổ chi tiết. Tuy nhiên, khi hạch toán kế toán, công ty chỉ mới ghi Sổ cái. Để hoàn thiện hơn hệ thống sổ kế toán tại Công ty TNHH Xây dựng và thương mại An Phát, em nhận thấy công ty nên lập các Sổ chi tiết để tiện theo dõi cho các khoản chi phí, doanh thu, đồng thời cũng góp phần nắm được tình hình tiêu thụ của từng loại hàng hoá. Từ đó giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp quản lý một cách chính xác hơn.

Đối với kế toán doanh thu, công ty nên lập các “Sổ chi tiết bán hàng” chi tiết theo từng loại hàng hoá. Việc theo dõi từng sản phẩm là việc rất cần thiết, giúp cho ban lãnh đạo công ty nắm bắt doanh thu của từng sản phẩm, từ đó phân tích, đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng sản phẩm. Bên cạnh việc lập Sổ chi tiết bán hàng, công ty cũng cần lập Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng.

Cuối tháng, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu từ các Sổ chi tiết bán hàng lập Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu bán hàng. Sau đó, kế toán sẽ đối chiếu số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng với Sổ cái TK511 xem số liệu có chính xác không. Việc lập các sổ này giúp cho công tác kế toán doanh thu được cụ thể, chi tiết theo từng loại mặt hàng và chặt chẽ hơn.

Đối với kế toán chi phí, công ty nên mở “Sổ chi phí sản xuất kinh doanh” chi tiết theo từng khoản chi phí. Hiện tại, công ty chỉ lập Sổ cái cho các tài khoản 632,6421,6422...Như vậy thì không theo dõi được chi tiết từng khoản chi, gây khó khăn cho việc quản lý.

### **Hệ thống tài khoản kế toán**

Để tiện cho việc theo dõi, kế toán có thể phân loại hàng hóa thành một số nhóm hàng nhất định với từng đặc tính cụ thể như: đá, xi măng, sắt, thép, ... Khi đó kế toán nên mở sổ chi tiết TK 511, TK 632 theo từng hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. Như vậy, số lượng sổ kế toán chi tiết sẽ không quá lớn, mà việc theo dõi hàng hóa mua bán, dịch vụ cung cấp cũng sẽ thuận tiện hơn, thỏa mãn tốt yêu cầu của công tác quản lý. Đảm bảo công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng tiện lợi và chính xác hơn.

Công ty có thể mở các tài khoản chi tiết như sau:

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

+ TK 51111: Doanh thu xuất bán thép

+ TK 51112: Doanh thu bán cát

+ TK 51113: Doanh thu bán đá

.....

TK 632: Giá vốn hàng bán

+ TK 6321: Giá vốn hàng bán thép

+ TK 6322: Giá vốn hàng bán cát

+ TK 6323: Giá vốn hàng bán đá

.....

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

+TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý: Phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp như: tiền lương, ...

+TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý: Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng

cho công tác quản lý như văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ...

+TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp

+TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí: Phản ánh các khoản chi phí thuế, phí, lệ phí như phí dịch vụ, phí chuyển tiền, phí tàu xe...

+TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp,

**Ví dụ minh họa**

Ngày 31/12/2013 công ty xuất bán xi măng, cát bê tông, đá 1x2+2x4, thép cuộn D6 cho công ty TNHH một thành viên thoát nước Hải Phòng theo HĐ GTGT số 0000279 với số tiền là 6.903.000( chưa VAT 10%), giá vốn là 5.783.376, khách hàng chưa thanh toán.

**Biểu 3.3: Sổ chi tiết bán hàng**

Công ty TNHH XD & TM An Phát  
Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S17 – DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tháng 12 năm 2013

Tên sản phẩm , hàng hóa: Cát bê tông

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Doanh thu		Các khoản tính trừ	
SH	NT				SL	TT	Thuế	Khác (521...)
		SĐĐK						
HĐ 000278	30/1 2	Bán hàng theo HĐ 000278	131	220.000	13	2.860.000		
<b>HĐ 000279</b>	<b>31/1 2</b>	<b>Bán hàng theo HĐ 00279</b>	<b>131</b>	<b>220.000</b>	<b>3,5</b>	<b>770.000</b>		
		Cộng SPS			16,5	3.630.000		
		SDCK						

Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)

**Biểu 3.4: Sổ chi tiết tài khoản.**

Công ty TNHH XD & TM An Phát  
Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S20 – DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Tháng 12 năm 2013

Tên tài khoản: Giá vốn bán cát bê tông

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Giá vốn	
SH	NT				SL	TT
		SĐĐK				
HĐ 000278	30/12	Bán hàng theo HĐ 000278	131	189.093	13	2.458.209
<b>PX 070</b>	<b>31/12</b>	<b>Bán hàng theo HĐ 00279</b>	<b>131</b>	<b>189.093</b>	<b>3,5</b>	<b>661.826</b>
		Cộng SPS			16,5	3.120.035
		SDCK				

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)



**Biểu 3.5 : Chi phí sản xuất kinh doanh**

Công ty TNHH XD & TM An Phát

Mẫu số: S18 – DNN

Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tháng 12 năm 2013

Tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Tổng tiền	Chia ra				
					SH	NT	6421	...	6424
		SDDK							
PC 140	05/12	Thanh toán tiền cước điện thoại theo HĐ 25845333	111	833.001					833.001
PC 141	16/12	Thanh toán tiền cước điện thoại theo HĐ 0500071	111	691.506					691.506
BN 075	31/12	Thu phí dịch vụ NH	112	50.000					50.000
BN 076	31/12	Thu phí quản lý tài khoản	112	22.000					22.000
PKT	31/12	Chi phí khấu hao TSCĐ	214	5.193.261			5.193.261		
PKT	31/12	Hạch toán lương CNV	334	38.000.000	38.000.000				
		Cộng SPS		44.789.768	38.000.000		5.193.261		1.596.507
		SDCK							

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu)

**Kiến nghị 3 : Về việc áp dụng chính sách ưu đãi**

Hiện nay, trong địa bàn thành phố Hải Phòng có rất nhiều công ty kinh doanh cùng lĩnh vực. Do đó, việc các doanh nghiệp cạnh tranh để thu hút khách hàng là điều tất yếu. Việc công ty không áp dụng các chính sách ưu đãi trong bán hàng sẽ phần nào làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Vì vậy, để có thể thu hút được khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ mà vẫn giữ được khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi phù hợp với tình hình hiện tại của công ty.

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng là khoản tiền khách hàng được hưởng theo thỏa thuận do thanh toán trước thời hạn so với quy định của hợp đồng kinh tế nhằm thúc đẩy khách hàng thanh toán tiền hàng sớm. Để có thể thu hồi vốn nhanh phục vụ cho hoạt động kinh doanh, công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán phù hợp với tình hình công ty mình. Công ty có thể xây dựng mức chiết khấu thanh toán sau:

Nếu khách hàng thanh toán từ ngày 01 đến ngày 15 của tháng sau thì sẽ được hưởng chiết khấu 0,5%.

Nếu khách hàng thanh toán từ ngày 16 đến ngày 25 của tháng sau thì sẽ được hưởng chiết khấu 0,3%.

Sau khi xác định mức chiết khấu hợp lý, số tiền chiết khấu này sẽ được hạch toán vào tài khoản 635 – “ chi phí hoạt động tài chính” Phương pháp hạch toán:

Phản ánh khoản chiết khấu cho người mua:

Nợ TK 635:

Có TK 131,111,112:

Cuối kỳ, kết chuyển khoản chiết khấu thanh toán sang Tk 911- “ Xác định kết quả kinh doanh”

Nợ TK 911:

Có TK 635:

**❖ Ví dụ minh họa:**

**Ví dụ 3.1:** Tính đến ngày 31/12/2013 công ty CP quản lý dự án và xây dựng LICOGI còn nợ công ty số tiền 27.389.500đ.

- Nếu công ty CP quản lý dự án và xây dựng LICOGI thanh toán số tiền trên từ ngày 01 đến ngày 15 tháng sau thì sẽ được hưởng chiết khấu 0,5%.

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng là:  $27.389.500 \times 0,5\% = 136.948$

Số tiền công ty thực thu:  $27.389.500 - 136.948 = 27.252.552$

-Căn cứ vào khoản chiết khấu thanh toán, kế toán vào sổ NKC ( *Biểu 3.6*) và sổ cái TK 635 ( *Biểu 3.7*)

**Biểu 3.6: Trích sổ nhật ký chung**

Mẫu số: S03A – DN

Công ty TNHH XD & TM An Phát  
Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số thứ tự dòng	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Tháng 12/2013					
			.....					
<b>31/12</b>	<b>PC 147</b>	<b>31/12</b>	<b>Khoản CKTT bằng TM của công ty CP quản lý dự án và xây dựng LICOGI</b>			<b>635 111</b>	<b>136.948</b>	<b>136.948</b>
			.....					
			Cộng số phát sinh				2.764.337.944	2.764.337.944

Sổ này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...  
Ngày mở sổ 01/01/2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Biểu 3.7: Trích Sổ cái TK 635**

Công ty TNHH XD & TM An Phát  
Số 107 Ngô Gia Tự - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S03B – DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số tài khoản: 635

Thán 12 năm 2013

Đơn vị: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT		TS	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
			.....					.....	
31/12	PC 147	31/12	<b>Khoản CKTT bằng TM của công ty CP quản lý dự án và xây dựng LICOGI</b>			<b>111</b>	<b>136.948</b>		
31/12	PKT 107	31/12	Kết chuyển chi phí HĐTC			911		136.948	
			Cộng phát sinh trong kỳ				136.948	136.948	
			Số dư cuối kỳ						

Sổ này có... trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày mở sổ 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)

## KẾT LUẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại lợi nhuận cao là mong đợi của tất cả các doanh nghiệp nói chung và Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại nói riêng. Sự thành công của Doanh nghiệp luôn gắn liền với những giải pháp đúng đắn, biết tìm hiểu và nghiên cứu thị trường, đánh giá đúng được khả năng hiện có của mình, đồng thời quản lý chi phí một cách tối đa nhất. Cải tiến công tác quản lý chi phí, đổi mới công nghệ sẽ góp phần làm cho công ty ngày càng phát triển và có hiệu quả trong tương lai.

Trên đây là một số phân tích, đánh giá và giải pháp chủ quan mà em đã mạnh dạn đề xuất để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng và thương mại An Phát, với mong muốn công ty sẽ ngày càng phát triển và vững mạnh hơn, tạo được chỗ đứng của mình trên thị trường.

- **Về mặt lý luận:** Khóa luận đã nêu và hệ thống hóa những lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- **Về mặt thực tế:** Khóa luận đã phản ánh trung thực, khách quan về thực trạng công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí cho hàng bán ra, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Xây dựng và thương mại An Phát với số liệu năm 2013 minh chứng cho các lập luận đưa ra.

- **Về kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty:** Từ thực tế nắm bắt được, đối chiếu với lý luận đã học và qua tìm hiểu nghiên cứu tài liệu đã nêu ra một số ý kiến về hoàn thiện công tác quản lý, sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung, hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng.

Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân, nhưng sự hiểu biết của em còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên nội dung bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo cũng như sự cảm thông từ phía các thầy cô và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến GV, Th.S Lê Thi Nam Phương, người đã trực tiếp hướng dẫn em, và các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, cùng các cô chú trong phòng kế toán tại công ty TNHH Xây dựng và thương mại An Phát này và có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán tại công ty.

Hải phòng, ngày tháng năm 2014

**Sinh viên**

**Mai Thị Thúy Hằng**

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình kế toán doanh nghiệp ( Nhà xuất bản tài chính )
2. Giáo trình hệ thống kế toán vừa và nhỏ ( Nhà xuất bản tài chính)
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp: Quyển 1 và 2 ( Bộ tài chính )
4. Luận văn tốt nghiệp khoá trước
5. Sổ sách và các tài liệu của công ty
6. Các tài liệu tham khảo khác